

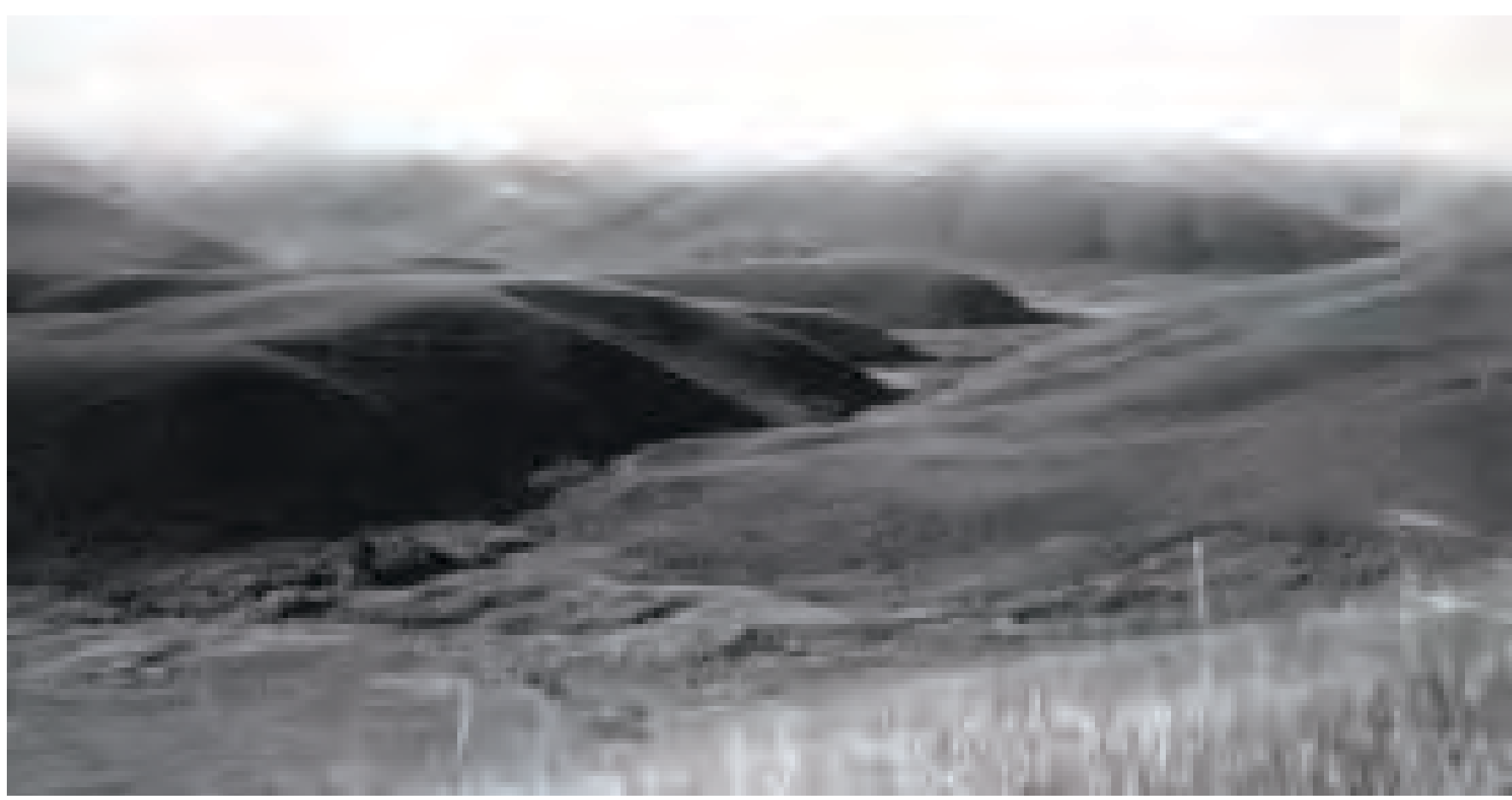
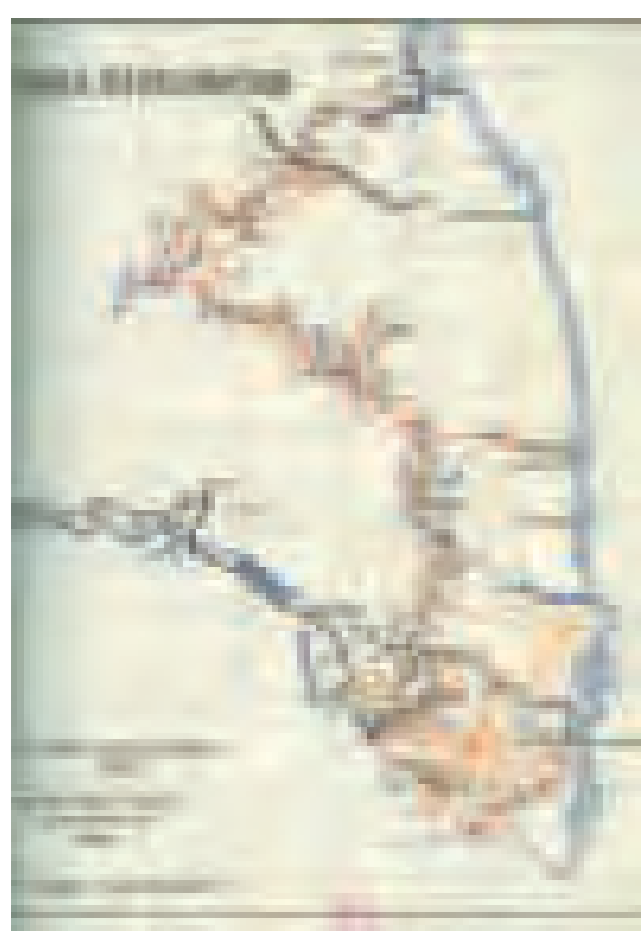
Đà Lạt - Et la carte créa la ville...

Đà Lạt - Bản đồ sáng lập thành phố...

Đà Lạt - And the map created the city...



► **La « découverte » et les missions d’exploration**
Sự “khám phá” và những chuyến thám hiểm
The “discovery” and the exploration missions



► **Les prémices d’une ville en devenir**
Những tiền đề của một thành phố tương lai
Les premises of a future city



► **L’émergence de la ville**
Sự trỗi dậy của thành phố
The emergence of the city



► **Les ambitions contrastées d’une ville en devenir**
Những tham vọng đối lập nhau của một thành phố tương lai
The contrasting ambitions of a burgeoning city



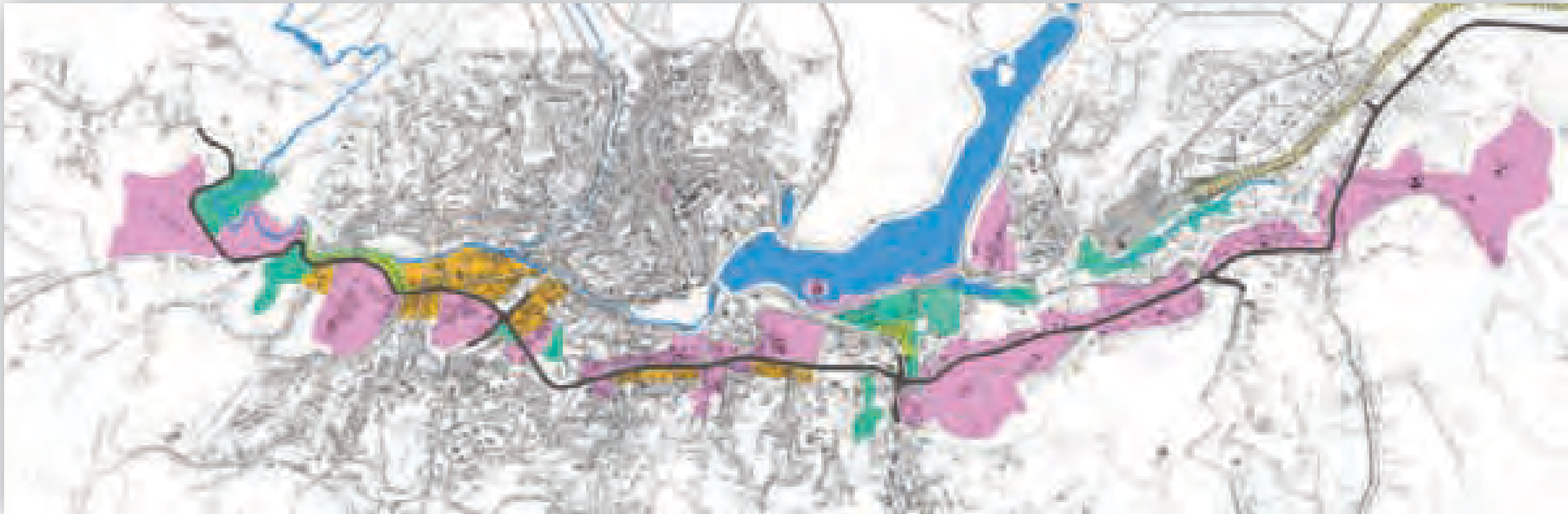
► **Bilans et dépassements d’une planification coloniale**
Các báo cáo tổng kết và chỉ tiêu quá khả năng của chương trình quy hoạch hóa thuộc địa
Balance sheets and overruns of a colonial planning



► **Les développements d’une urbanité Vietnamiennne**
Đầy mạnh quy hoạch đô thị theo phong cách Việt Nam
The developments of a Vietnamese urbanity



► **Les projections du Grand Đà Lạt au XXI^e siècle**
Kế hoạch định hướng Đà Lạt mở rộng thế kỷ 21
Projections for Greater Đà Lạt in the 21st century



ĐÀ LẠT – ET LA CARTE CRÉA LA VILLE...

Organisée dans le cadre des festivités célébrant le 120^e anniversaire de la fondation de la ville de Đà Lạt, lesquelles coïncident avec « l’Année croisée France-Vietnam 2013 », cette exposition a été conçue par le centre de l’École française d’Extrême-Orient (EFEO) au Vietnam en collaboration avec la Direction d’État des Archives du Vietnam et le musée de la province de Lâm Đồng.

L’ambition de cette exposition est de mettre en dialogue les questions de préservation patrimoniale et de prospectives urbanistiques en proposant aux visiteurs une lecture cartographique de l’histoire de la ville. Si plusieurs évocations essentiellement photographiques, ont été consacrées à l’architecture coloniale de cette station d’altitude, l’histoire urbaine n’a été jusqu’alors que partiellement abordée et illustrée.

Les documents cartographiques, iconographiques et les écrits mobilisés proviennent de différents centres de documentation et d’archives implantés au Vietnam (Direction d’État des Archives du Vietnam –centres n°2 & n°4-, Musée et service de la Construction de la province de Lâm Đồng, collection privée de Tam Thái), en France (Archives nationales d’Outre-mer, Photothèque de l’EFEO, Archives de l’Institut Pasteur, Archives des Missions Etrangères de Paris, Fonds iconographique de la Nouvelle Association des Amis du Vieux Huê -avec l’accord de Jean Cousso-, Archives de l’Institut français d’Architecture -fonds Pineau avec l’accord d’Elisabeth Pineau-, Institut Géographique National, Cabinet d’urbanisme Interscene, Archives de la Congrégation Notre-Dame -couvent des Oiseaux-, archives privées de Paul Veyseyre -avec l’accord de Jacques Veyseyre-, collection privée d’Eric Jennings), en Suisse (International Congress of Modern Architecture Zurich) et au Japon (Centre of Asian Area Studies, Rikkyo University, avec l’accord de son directeur Makoto Ueda). Que tous les responsables de ces centres de ressources en soient ici chaleureusement remerciés.

ĐÀ LẠT – VÀ BẢN ĐỒ SÁNG LẬP THÀNH PHỐ...

Được tổ chức trong khuôn khổ các hoạt động kỷ niệm 120 năm thành lập thành phố Đà Lạt và trùng hợp với sự kiện « Năm Pháp-Việt 2013 », cuộc trưng bày này được Trung tâm Viện Viễn đông Bác cổ Pháp (EFEO) tại Việt Nam, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước và Bảo tàng tỉnh Lâm Đồng cùng xây dựng ý tưởng thiết kế.

Tham vọng của cuộc trưng bày này đó là trao đổi những vấn đề về bảo tồn di sản và về những viễn cảnh đô thị hóa bằng việc cung cấp cho người xem bản đồ về lịch sử của thành phố. Nếu như nhiều sự gợi lại chủ yếu bằng hình ảnh về kiến trúc thuộc địa ở nơi nghỉ mát trên cao này thì lịch sử đô thị cho đến nay mới chỉ được đề cập và minh họa có một phần.

Những tư liệu bản đồ, hình ảnh và những bài viết được thu thập từ nhiều trung tâm tư liệu và lưu trữ khác nhau ở Việt Nam (Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước – trung tâm lưu trữ 2 và 4, Bảo tàng và Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng, bộ sưu tập cá nhân Tam Thái) và ở Pháp (Lưu trữ quốc gia hải ngoại, Thư viện ảnh của EFEO, Lưu trữ của Viện Pasteur, Lưu trữ của Hội Truyền giáo hải ngoại Paris, Phòng ảnh của Hội những người bạn Huế xưa- với sự đồng ý của Jean Cousso-, Lưu trữ của Viện Pháp về Kiến trúc-, Phòng Pineau với sự đồng ý của Elisabeth Pineau-, Viện Địa lý quốc gia, Văn phòng đô thị hóa Interscene, Lưu trữ của Giáo đoàn Notre-Dame – tu viện des Oiseaux-, lưu trữ cá nhân của Paul Veyseyre- với sự đồng ý của Jacques Veyseyre-, sưu tập cá nhân của Eric Jennings), ở Thụy Sĩ (Hội quốc tế về Kiến trúc hiện đại Zurich) và ở Nhật Bản (Trung tâm nghiên cứu khu vực châu Á, Đại học Rikkyo, với sự đồng ý của Giám đốc Trung tâm Makoto Ueda). Nhân đây, xin gửi lời cảm ơn chân thành tới tất cả các vị lãnh đạo của những trung tâm tư liệu trên.

ĐÀ LẠT – AND THE MAP CREATED THE CITY...

This exhibition, which was organised within the framework of the festivities marking the 120th anniversary of the foundation of Đà Lạt and which coincides with the “2013 Franco-Vietnamese Year”, was designed by the École française d’Extrême-Orient (EFEO) in Vietnam with the collaboration of the Office of the State Director of Archives in Vietnam and the Lâm Đồng provincial museum.

The aim of the exhibition is to establish a link between the challenges of heritage preservation and urban prospective by offering a cartographic reading of the city’s history to visitors. Although several other photographic exhibitions have examined the colonial architecture of this hill station, its urban history has, until now, only been partially addressed and illustrated.

The cartographic, iconographic and written documents used come from different centres of documentation, and from archives kept in Vietnam (Office of the State Director of Archives of Vietnam, centres n°2 & n°4-, Museum and Construction Office of Lâm Đồng province, Tam Thái’s private collection), in France (Archives nationales d’Outre-mer, EFEO photographic library, the Institut Pasteur archives, the Missions Etrangères de Paris archives, the Fonds iconographique de la Nouvelle Association des Amis du Vieux Huê (with the permission of Jean Cousso), the Archives of the Institut français d’Architecture (Pineau collection, with the agreement of Elisabeth Pineau), the Institut Géographique National, the town-planning cabinet Interscene (Paris), the Archives of the Congrégation Notre-Dame (Couvent des Oiseaux), the private archives of Paul Veyseyre (with the permission of Jacques Veyseyre), the Eric Jennings’ private collection, the International Congress of Modern Architecture of Zurich, Switzerland, and the Centre of Asian Area Studies, Rikkyo University, Japan (with the agreement of its director Makoto Ueda). Our warmest thanks to all those in charge of these centres of documentation and archives.

Table des abréviations / Bảng chữ viết tắt / Abbreviation

DEAV	Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Hà Nội	DEAV	Direction d'Etat des Archives du Vietnam, Hà Nội
TTLTQG2	Trung tâm Lưu trữ quốc gia 2, TP Hồ Chí Minh	C2ANV	Centre n°2 des Archives nationales du Vietnam, Hồ Chí Minh ville
TTLTQG4	Trung tâm Lưu trữ quốc gia 4, Đà Lạt	C4ANV	Centre n°4 des Archives nationales du Vietnam, Đà Lạt
ANOM	Lưu trữ Hải ngoại quốc gia, Aix-en-Provence	ANOM	Archives nationales d'Outre-mer, Aix-en-Provence
AOM BB	Phòng Thư viện Lưu trữ Hải ngoại quốc gia	AOM BB	Fonds de la Bibliothèque des ANOM
ANOM GGI	Phòng Phủ Toàn quyền Đông Dương	ANOM GGI	Fonds du Gouvernement Général de l'Indochine
ANOM RSA	Phòng Khâm sứ Trung kỳ	ANOM RSA	Fonds de la Résidence supérieure de l'Annam
IGN	Viện Địa lý quốc gia	IGN	Institut Géographique National
ACND	Tu viện Đức Bà Couvent des Oiseaux	ACND	Couvent des Oiseaux, Archives générales, Congrégation Notre Dame, Chanoinesses de St Augustin "Tous droits réservés"
AIP	Lưu trữ của Viện Pasteur, Paris	AIP	Archives de l'Institut Pasteur, Paris
CAAS	Trung tâm nghiên cứu châu Á, đại học Rikkyo, Tokyo	CAAS	Centre for Asian Area Studies, Rikkyo University, Tokyo
CIAM	Đại hội quốc tế về Kiến trúc hiện đại, Zurich	CIAM	International Congress of Modern Architecture, Zurich
CP	Bộ sưu tập cá nhân	CP	Collection privée
- CP Veyseyre	- Tài liệu của gia đình Jacques Veyseyre	- CP Veyseyre	- Papiers de famille de Jacques Veyseyre
- CP Jennings	- Tài liệu của Eric Jennings	- CP Jennings	- documents personnels d'Eric Jennings
- CP Tam Thái	- Tác phẩm và hình ảnh của Tam Thái	- CP Tam Thái	- photographies de Tam Thái
FIAMEP	Phòng tranh ảnh của lưu trữ Hội truyền giáo Hải ngoại Paris	FIAMEP	Fonds iconographique des Archives des Missions Étrangères de Paris
FINAAVH	Phòng tranh ảnh của tân Hội những người bạn Huế xưa	FINAAVH	Fonds iconographiques de la Nouvelle Association des Amis du Vieux Huế
IHI	Đông Dương tuần báo	IHI	Indochine hebdomadaire illustré
InSc	Công ty quy hoạch đô thị và cảnh quan Interscene, Paris	InSc	Cabinet d'urbanisme Interscene, Paris
JOIF	Công báo của Đông Dương thuộc Pháp	JOIF	Journal officiel de l'Indochine française
PEFEO	Thư viện ảnh của EFEO, Paris	PEFEO	Photothèque de L'Ecole française d'Extrême-Orient, Paris
SIAF	SIAF, Khu Kiến trúc và Di sản/lưu trữ của kiến trúc thế kỷ 20, phòng Pineau, Paris	SIAF	SIAF, cité de l'architecture et du patrimoine/archives d'architecture du XX ^e siècle, fonds Pineau, Paris
SIUP	Phân Viện Quy hoạch Đô thị Nông thôn Miền Nam, TP Hồ Chí Minh	SIUP	Southern Institute of urban Planning, Hồ Chí Minh ville
SXD	Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng	SXD	Service de la construction de la province de Lâm Đồng

LES PREMIÈRES MISSIONS

Conscientes de leur ignorance de la majorité du territoire devenu colonie française en 1867, les autorités de Cochinchine lancèrent au début des années 1880 une série de missions d'exploration dans la région des Hauts Plateaux. La première conduite par Néis et Septans atteignit en 1881 le plateau du Lang Bian en remontant le cours supérieur du fleuve Đồng Nai jusqu'à sa source. Quelques années plus tard, l'officier Humann dressa, sur la base des informations collectées entre 1884 et 1889, une carte des « Vallées du Langa et du Haut Donai ».

NHỮNG CHUYẾN THÁM HIỂM ĐẦU TIÊN

Ý thức được sự thiếu hiểu biết về phần lớn lãnh thổ đã trở thành một thuộc địa của Pháp năm 1867, chính quyền Nam Kỳ đã đưa ra một loạt các cuộc thăm dò tại Tây Nguyên vào đầu những năm 1880. Chuyến thám hiểm đầu tiên do Néis và Septans chỉ huy đã đến được cao nguyên Lang Bian năm 1881 và ngược thượng lưu sông Đồng Nai lên tận đầu nguồn của sông. Vài năm sau, sĩ quan Humann đã lập một bản đồ «Thung lũng sông La Ngà và Đồng Nai Thượng», trên cơ sở những thông tin thu thập được từ năm 1884 đến năm 1889.

THE FIRST MISSIONS

Aware of their ignorance about most of the territory that had become a French colony in 1867, the authorities in Cochinchina launched a series of exploratory missions in the Central Highlands (beginning of the 1880s). The first of these, which was led by Néis and Septans, reached the Lang Bian plateau in 1881 and followed the Upper Đồng Nai River to its source. A few years later, the naval officer Humann drew up a map of the “Langa and Upper Donai Valleys” on the basis of information collected during his peregrinations between 1884 and 1849.

LES PREMIÈRES MISSIONS
Những chuyến thám hiểm đầu tiên
The first missions

Ce plateau est couronné au nord par une montagne affectant une forme particulière, reconnaissable de très-loin, nue dans sa partie occidentale, boisée dans sa partie orientale, c’est le *gnom* Lang-bian ; ce sont les sources du Dong-naï inconnues jusqu’alors.

Extrait du rapport « Un voyage d’explorations aux sources de Dong - Nai » docteur P. Néis et lieutenant Septans – 1881 [*Excursions et Reconnaissances*, n°10, Saigon, 1881]

Trích đoạn trong Báo cáo « chuyến đi thám hiểm tại cội nguồn sông Đồng Nai », bác sĩ P. Néis và trung úy Septans - 1881

“ Bao quanh phía Bắc của cao nguyên này là một ngọn núi có hình dạng đặc biệt, từ xa đã nhận biết được, ở phần phía Tây là núi trọc nhưng ở phần phía Đông là rừng cây, đó là gnom Lang Bian ; đây là nguồn gốc của sông Đồng Nai chưa hề được biết cho tới lúc đó.”

Extract from the report “An exploratory journey to the sources of the Dong - Nai”, doctor P. Néis and lieutenant Septans - 1881

“This plateau is crowned to the north by a very peculiarly shaped mountain that is recognisable from very far away, as its western face is devoid of forestation and its eastern one wooded, it’s gnom Lang Bian, which is the previously unknown source of the Dong Nai River.”

Les vallées encaissées que nous laissons derrière nous, ainsi que le Damré, sont tributaires du Đông-naï ; après trois quarts d’heure d’une route facile et agréable à travers, les plateaux frais et herbeux, après avoir traversé deux cours, l’eau assez forts qui, tous les deux, courent dans l’est donner leurs eaux au La-nga et qui s’appellent le premier Da-xa, le second Da-laos, nous arrivons à la halle Sohou à 3 heures un quart.

Extrait de « Excursion chez les Mois indépendants » R. Humann – 1884 [*Excursions et Reconnaissances*, T8 n°9, Saigon, 1884]

Trích đoạn trong « Du hành trên đất nước của người Mơi độc lập », R. Humann - 1884

“ Những thung lũng hẹp mà chúng tôi để lại phía sau mình, và Damré đều là chi lưu của sông Đồng Nai ; sau ba phần tư giờ trên con đường dễ dàng và dễ chịu qua những cao nguyên mát mẻ và đầy cỏ, sau khi đã đi qua hai con sông khá mạnh và đều chảy về phía Đông cung cấp nước cho La - Nga và con sông đầu có tên Da - xa , con sông thứ hai là Da - laos, chúng tôi tới nơi dừng là Sohou vào 3 giờ 15 phút.”

Extract from “Excursion among the independent Mois”, R. Humann - 1884

Extract from “Excursion among the independent Mois”, R. Humann - 1884 “ “The incised valleys that we leave behind us, as well as the Damré, are tributaries of the Đông Nai; after walking for three quarters of an hour through fresh and grassy plateaus, and after having crossed two strong running streams both running towards the East to join the La - Nga, the first called the Da - Xa, the second Da - laos, we arrived at the halle Sohou at a quarter past three.”



Des chutes sur le plateau du Lang Bian
[PEFEO VIE04790_3&4]
Những thác nước trên cao nguyên Lang Bian
Waterfalls on the Lang Bian plateau





vallées du Langa et du Haut Donai, 1884 & 1889 (ANOM, IFL 1459) (taille originale x 3)
 Thung lũng Lan Gà và Đồng Nai Thượng, 1884 & 1889 (Kích thước thật x 3)
 Langa and Haut Donai Valleys, 1884 & 1889 (Real size x 3)

**ALEXANDRE YERSIN ET LE PLATEAU DU LANG BIAN,
LE 21 JUIN 1893**

Si Alexandre Yersin ne fut donc pas le premier européen à atteindre le plateau du Lang Bian, sa mission de 1893 s'avéra déterminante pour la future Đà Lạt puisqu'elle constitue son « acte de naissance ». Après un premier périple qui le mena en 1892 de Nha Trang à Stung Treng, il se vit confier l'exploration scientifique de la région comprise entre la côte du sud de l'Annam et le Mékong afin d'évaluer les potentialités de sa mise en valeur. C'est au cours de ce périple de 7 mois que Yersin déboucha le 21 juin 1893 sur le plateau du Lang Bian.

**ALEXANDRE YERSIN VÀ CAO NGUYÊN LANG BIAN,
NGÀY 21 THÁNG 6 NĂM 1893**

Ngay cả khi Alexandre Yersin không phải là người châu Âu đầu tiên đặt chân lên cao nguyên Lang Bian, chuyến thám hiểm của ông vào năm 1893 vẫn có ý nghĩa quyết định đối với Đà Lạt tương lai, bởi chuyến đi này có thể coi là tiền đề cho việc khai sinh Đà Lạt. Sau một hành trình đầu tiên vào năm 1892 đưa ông từ Nha Trang đến Stung Treng, ông được giao nhiệm vụ thám hiểm khoa học khu vực giữa bờ biển phía Nam Trung Kỳ và sông Mê Kông nhằm đánh giá tiềm năng phát triển của vùng này. Yersin đã phát hiện ra cao nguyên Lang Bian vào ngày 21 tháng 6 năm 1893 sau cuộc thám hiểm suốt bảy tháng này.

ALEXANDRE YERSIN AND THE LANG BIAN PLATEAU 21ST JUNE 1893

Although Alexandre Yersin was not the first European to set foot on the Lang Bian plateau, his 1893 mission proved to be a determining factor for the future establishment of Đà Lạt, as it constitutes the birth of the city. After a first journey that took him from Nha Trang to Stung Treng in 1892, he was entrusted to scientifically explore the region from the South Annam coast to the Mekong to evaluate its development potential and its resources. It was during this seven-month journey that he reached the Lang Bian plateau, on 21st June.

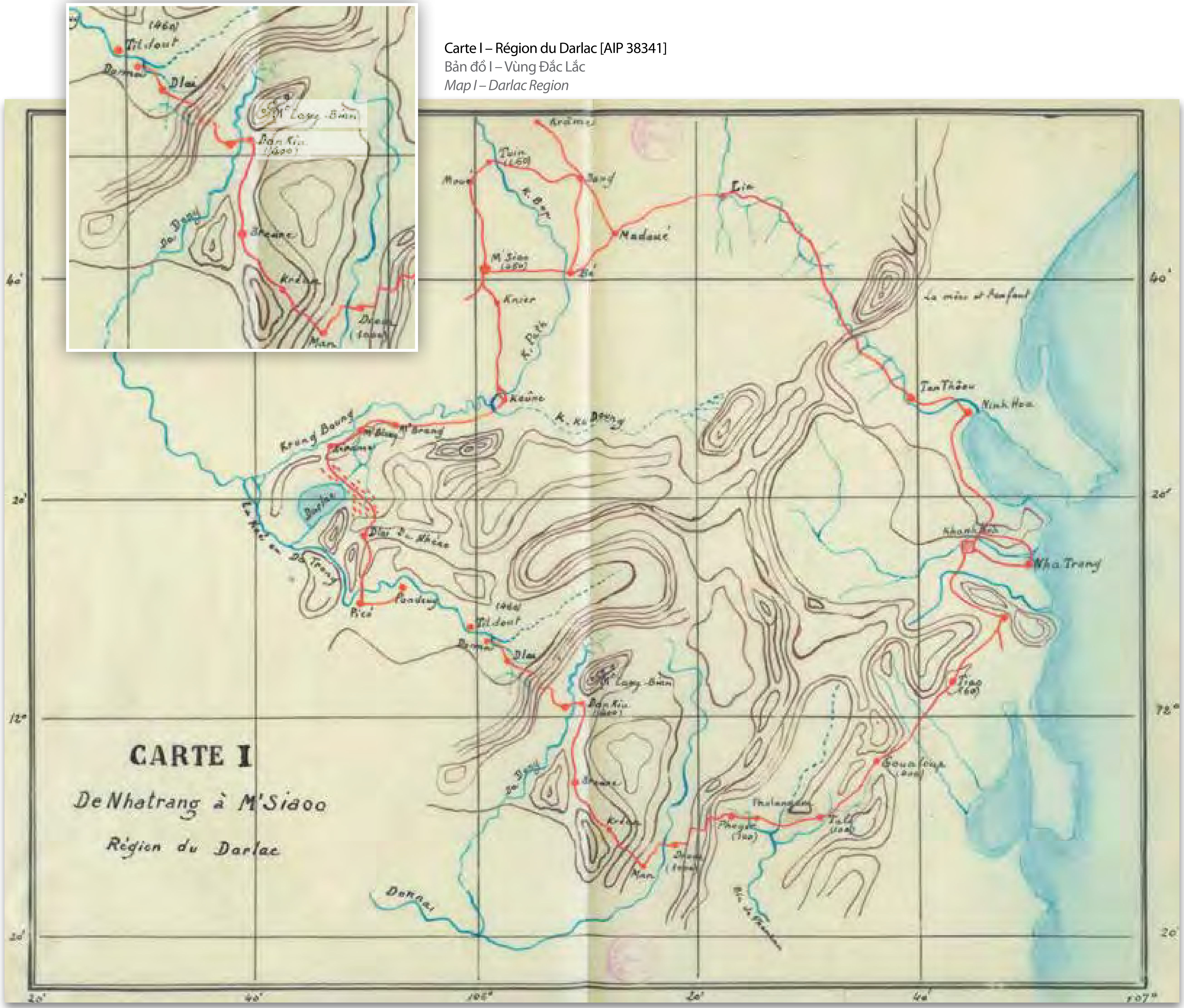
ALEXANDRE YERSIN ET LE PLATEAU DU LANG BIAN, LE 21 JUIN 1893

Alexandre Yersin và cao nguyên Lang Bian, ngày 21/6/1893

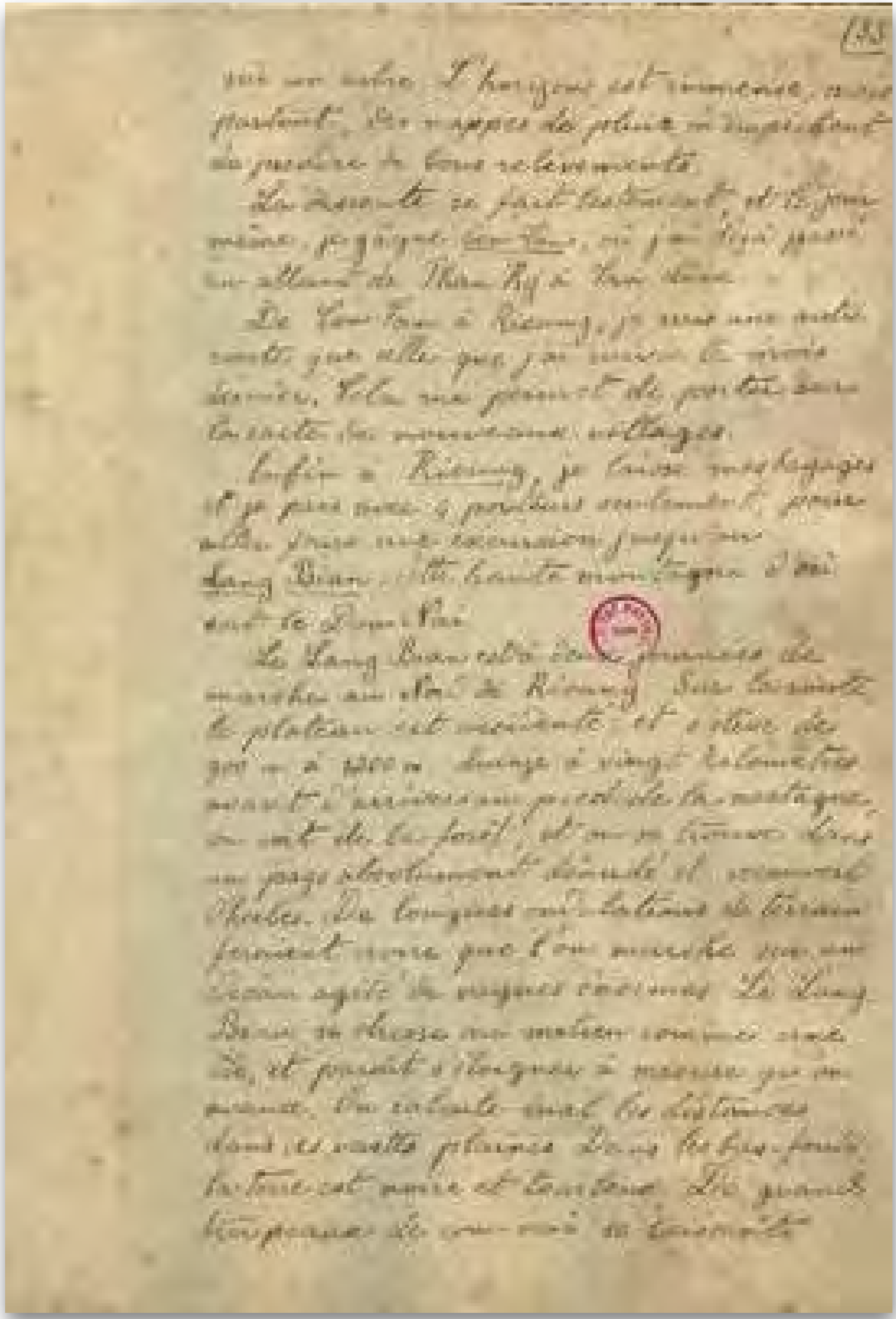
Alexandre Yersin and the Lang Bian plateau, 21st June 1893



Alexandre Yersin (1863 - 1943) en 1893 [AIP D2167]
Alexandre Yersin (1863 - 1943) năm 1893
Alexandre Yersin (1863 - 1943) in 1893



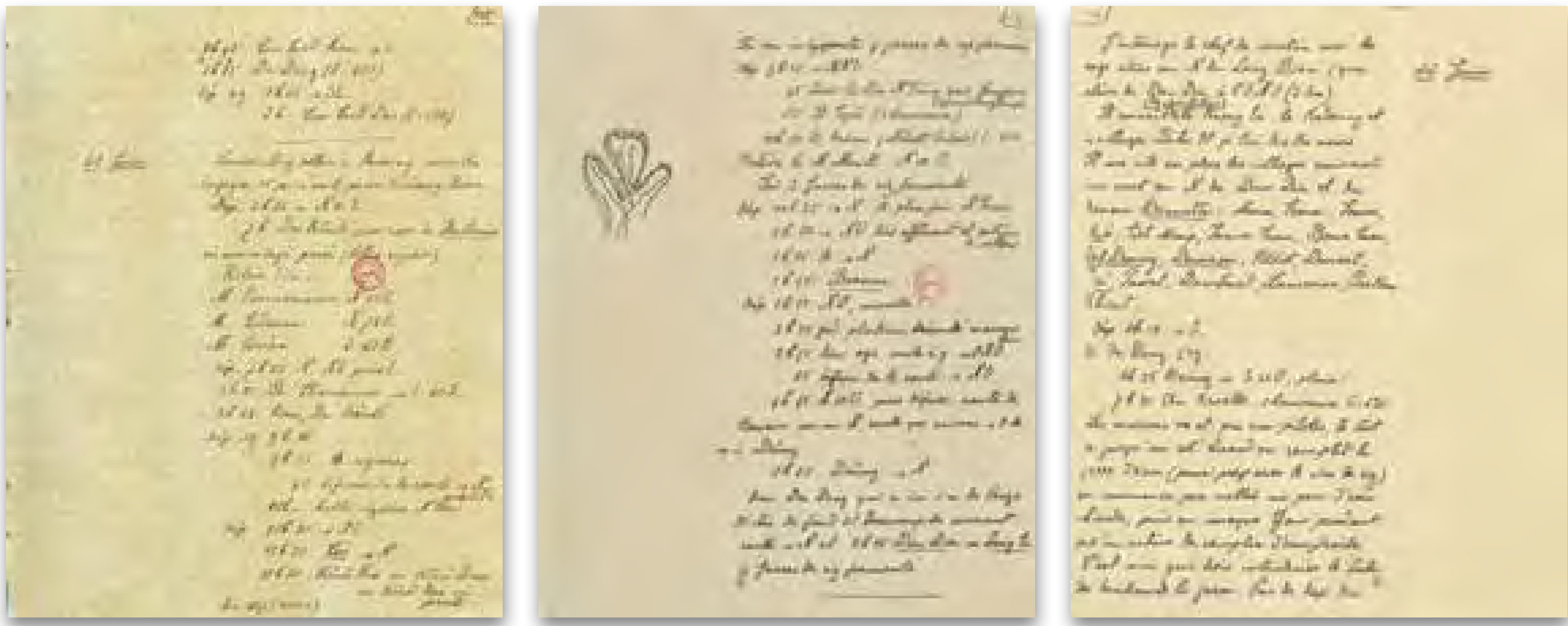
Carte I – Région du Darlac [AIP 38341]
Bản đồ I – Vùng Đặc Lắc
Map I – Darlac Region



«Rapport de la 2^e expédition d'Alexandre Yersin en Pays Moï» [AIP 38342, pp. 33]
“Báo cáo chuyến khảo sát thứ hai của Alexandre Yersin ở đất nước của người Mơi”
“Report of the 2nd expedition by Alexandre Yersin in Moï country”

“Cao nguyên Lang Bian cách phía Bắc Rioung hai ngày đường. Trên đường, cao nguyên nhấp nhô; và cao từ 900 đến 1200 mét. 15 đến 20 km trước khi tới chân núi, chúng tôi ra khỏi rừng và đang ở một nơi hoàn toàn trụi và đầy cỏ. Những đường đất uốn lượn làm ta tin rằng chúng ta đang đi trên mặt biển đầy sóng lớn. Lang Bian nằm ở giữa như một hòn đảo và cảm giác càng xa dần mỗi khi ta tiến lên. Chúng tôi khó tính được những khoảng cách trong vùng đồng bằng rộng lớn này. Ở những chỗ thấp, đất đen và than bùn.”

“Lang Bian is two days’ walk to the North of Rioung. On the way, the plateau is hilly and rises to between 900 and 1200 m. We cover 15 to 20 km before arriving at the foot of the mountain. We come out of a forest and find ourselves in a completely treeless landscape covered in weeds. Long surface undulations would make one think one is walking on an ocean of enormous waves. The Lang Bian rises in the centre like an island, and appears to recede as we advance. It is difficult to calculate exactly distances in these vast plains. Below us the earth is black and peat like.”



«Voyage chez les Moï» - Journal de voyage d'Alexandre Yersin [AIP 38347, pp. 118 - 120]
“Chuyến đi trên đất của người Mơi” - Nhật ký chuyến đi của Alexandre Yersin
“Journey among the Moï” - Travel notes of Alexandre Yersin



Carte II - De M'Siao à la mission [AIP 38340]
Bản đồ II – Từ M'Siao tới chỗ khảo sát
Map II – From M'Siao to the mission

LE CHOIX DE ĐÀ LẠT

Dès 1887, la nécessité d'établir un sanatorium pour les personnels civils et militaires s'imposa. Dix ans plus tard, suivant les conseils de Yersin, le Gouverneur Général Doumer opta pour le plateau du Lang Bian. Entre 1897 et 1900, plusieurs missions topographiques, météorologiques et médicales furent conduites afin d'évaluer les qualités sanitaires du site et son accessibilité par la route et le rail.

Le capitaine Debay milita en 1901 pour le site de Bà Nà (contreforts montagneux de Đà Nẵng) qui devint en 1919 une station complémentaire de celle de Đà Lạt et intégra ainsi le réseau des stations d'altitude de l'Union indochinoise : Sapa, Tam Đảo et Mẫu Sơn au Tonkin, Bokor au Cambodge, Tranninh au Laos. Le choix définitif de Đà Lạt au détriment de Đăng Kia fut acté la même année.

LỰA CHỌN ĐÀ LẠT

Ngay từ năm 1897, yêu cầu phải thiết lập một trạm điều dưỡng trên cao nguyên cho các nhân viên dân sự và quân sự đã được đặt ra. Mười năm sau, theo lời khuyên của Yersin, Toàn quyền Doumer cao nguyên Lang Biang. Từ năm 1897 đến năm 1900, nhiều phái đoàn khảo sát về địa hình, khí tượng và y tế đã được cử lên cao nguyên, mục đích là để đánh giá chất lượng vệ sinh y tế của khu vực này cũng như khả năng tiếp cận bằng đường bộ và đường xe lửa.

Năm 1901, đại úy Debay đã vận động cho khu Bà Nà (tọa lạc trên dãy núi ở Đà Nẵng). Đến năm 1919, Bà Nà trở thành một khu nghỉ hỗ trợ cho trạm nghỉ dưỡng Đà Lạt và như vậy cũng nằm trong mạng lưới các trạm nghỉ mát trên núi của Liên bang Đông Dương : Sapa, Tam Đảo và Mẫu Sơn ở Bắc Bộ, Bokor ở Campuchia, Trấn Ninh ở Lào. Cũng trong năm đó, quyết định cuối cùng là chọn Đà Lạt thay vì Đăng Kia đã được công nhận.

THE CHOICE OF ĐÀ LẠT

From 1887, the need to establish a sanatorium for the colonial civil and military personnel was clear. Ten years later, following the advice of Yersin, the Governor General Doumer chose the Lang Bian plateau. Between 1897 and 1900, several topographical, meteorological, medical and other missions were carried out to evaluate the salubrity of the site and its accessibility by road and rail.

In 1901 Captain Debay campaigned for the site of Bà Nà (mountain foothills near Đà Nẵng) that became a modest hill station complementing Đà Lạt, along with the other hill stations of the Indochinese Union: Sapa, Tam Đảo and Mẫu Sơn in Tonkin, Bokor in Cambodia, Tranninh in Laos. It was in 1901 that Đà Lạt was definitively chosen to the detriment of Đăng Kia.

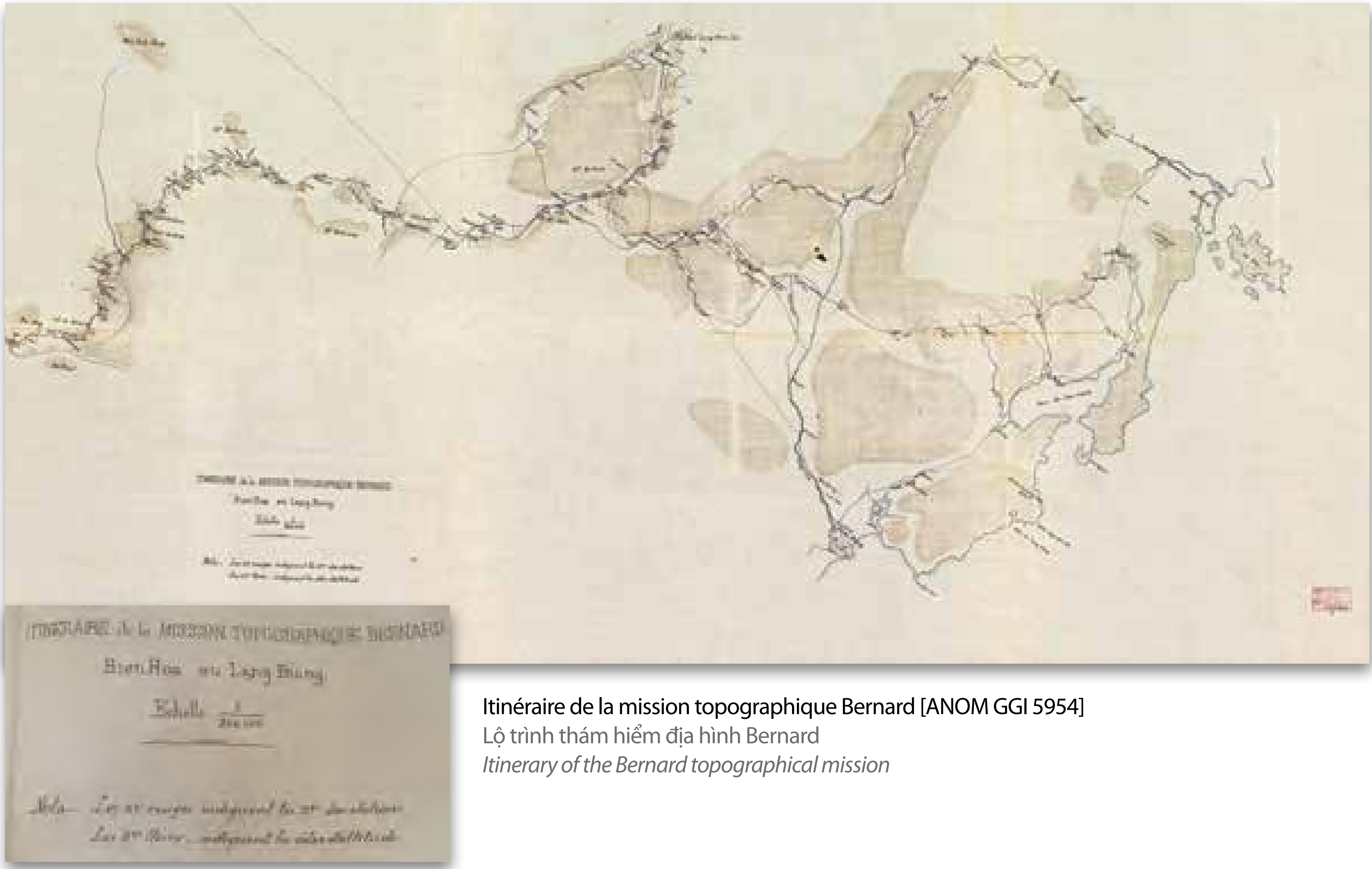
LE CHOIX DE ĐÀ LẠT

Sự lựa chọn Đà Lạt

The choice of Đà Lạt



Mission du capitaine Thouard et du lieutenant H. Wolff, 1898 : itinéraires suivis par la mission du Lang Bian [ANOM GGI 5969]
Chuyến khảo sát của đại úy Thouard và của Trung úy H. Wolff, 1898 : lộ trình thám hiểm cao nguyên Lang Bian
Mission of Captain Thouard and Lieutenant H. Wolff, 1898: Itineraries taken by the Lang Bian mission



Itinéraire de la mission topographique Bernard [ANOM GGI 5954]
Lộ trình thám hiểm địa hình Bernard
Itinerary of the Bernard topographical mission



Mission du capitaine Thouard et du lieutenant H. Wolff, 1898 [ANOM GGI 5956]
Chuyến khảo sát của đại úy Thouard và của Trung úy H. Wolff, 1898
Mission of Captain Thouard and Lieutenant H. Wolff, 1898



Route suivie de Saigon au mont Lang-Bian par le bassin du Dong Nai [ANOM GGI 5954]
Con đường từ Sài Gòn tới núi Lang-Bian qua lưu vực sông Đồng Nai
Route taken from Saigon to mount Lang-Bian via Dong Nai basin



Itinéraire suivi par M. Oddera pendant son voyage d'exploration dans le bassin du Dong Nai [ANOM GGI 5954]
Lộ trình chuyến thám hiểm ở lưu vực sông Đồng Nai của ông Oddera
Itinerary taken by M. Oddera during his exploratory journey in the Dong Nai basin



Mission Debay (1900) - Régions signalées pour l'établissement d'un sanatorium dans l'Annam Central. [ANOM GGI 5963]
Thăm hiểm Debay (1900) - những khu vực được đánh dấu dành cho việc thiết lập trạm nghỉ dưỡng ở miền Trung
Mission Debay (1900) - Regions singled out for the establishment of a sanatorium in Central Annam



Gaïde (docteur), 1931, Les stations climatiques d'Indochine, p.31
Gaïde (bác sĩ), 1931, Những nơi nghỉ mát ở Đông Dương, tr.31
Gaïde (doctor), 1931, Hill stations in Indochina, p.31

LES PREMIERS TRAVAUX D'AMÉNAGEMENT DE VOIES D'ACCÈS À ĐÀ LẠT

Entre 1898 et 1900, la route Phan Rang – Đà Lạt fut empierrée et carrossable sur 48 km jusqu'à Xóm Gòn puis prolongée sur 45 km par un sentier muletier. Mais un tel chantier mené à marche forcée eut un coup humain exorbitant, à tel point que Hồ Chí Minh le cita en exemple pour illustrer les monstrueux abus coloniaux commis en Indochine dans son plaidoyer de 1925, *Le Procès de la colonisation française*.

Pour sa part, la mission Thouard étudia en 1898 la faisabilité d'une voie ferrée reliant Nha Trang à Đăng Kia. Au grand dam de Yersin, le tracé dut cependant être abandonné au profit de la liaison Tháp Chàm – Đăng Kia. Les travaux débutèrent dès 1903 mais furent interrompus pour des raisons financières et par manque de main d'œuvre effrayée par des conditions sanitaires déplorables.

NHỮNG CÔNG TRÌNH QUY HOẠCH ĐẦU TIÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ĐẾN ĐÀ LẠT

Từ năm 1898 đến năm 1900, tuyến đường Phan Rang – Đà Lạt đã được rải đá và trải nhựa trên chiều dài 48 km đến tận Xóm Gòn và sau đó kéo dài thêm 45 km theo một con đường la đi nhỏ hẹp. Song một công trình xây dựng như vậy được triển khai buộc phải có một nguồn nhân lực vượt quá mức, đến mức Hồ Chí Minh đã dẫn ví dụ về việc xây dựng con đường đến Đà Lạt để minh chứng cho những tội ác ghê gớm mà thực dân đã phạm phải ở Đông Dương trong tác phẩm «Bản án chế độ thực dân Pháp» (1925).

Về phía mình, vào năm 1898, phái đoàn Thouard đã nghiên cứu tính khả thi của tuyến đường xe lửa nối Nha Trang với Đăng Kia. Tuy nhiên, thật là thiệt thòi cho Yersin, tuyến đường này đã bị bỏ để chọn tuyến nối liền Tháp Chàm – Đăng Kia. Công trình bắt đầu từ năm 1903, song đã bị gián đoạn vì lý do tài chính và thiếu nhân lực bị điều kiện vệ sinh y tế có hại cho sức khỏe làm cho khiếp sợ.

THE FIRST DEVELOPMENT WORK FOR ACCESS ROUTES TO ĐÀ LẠT

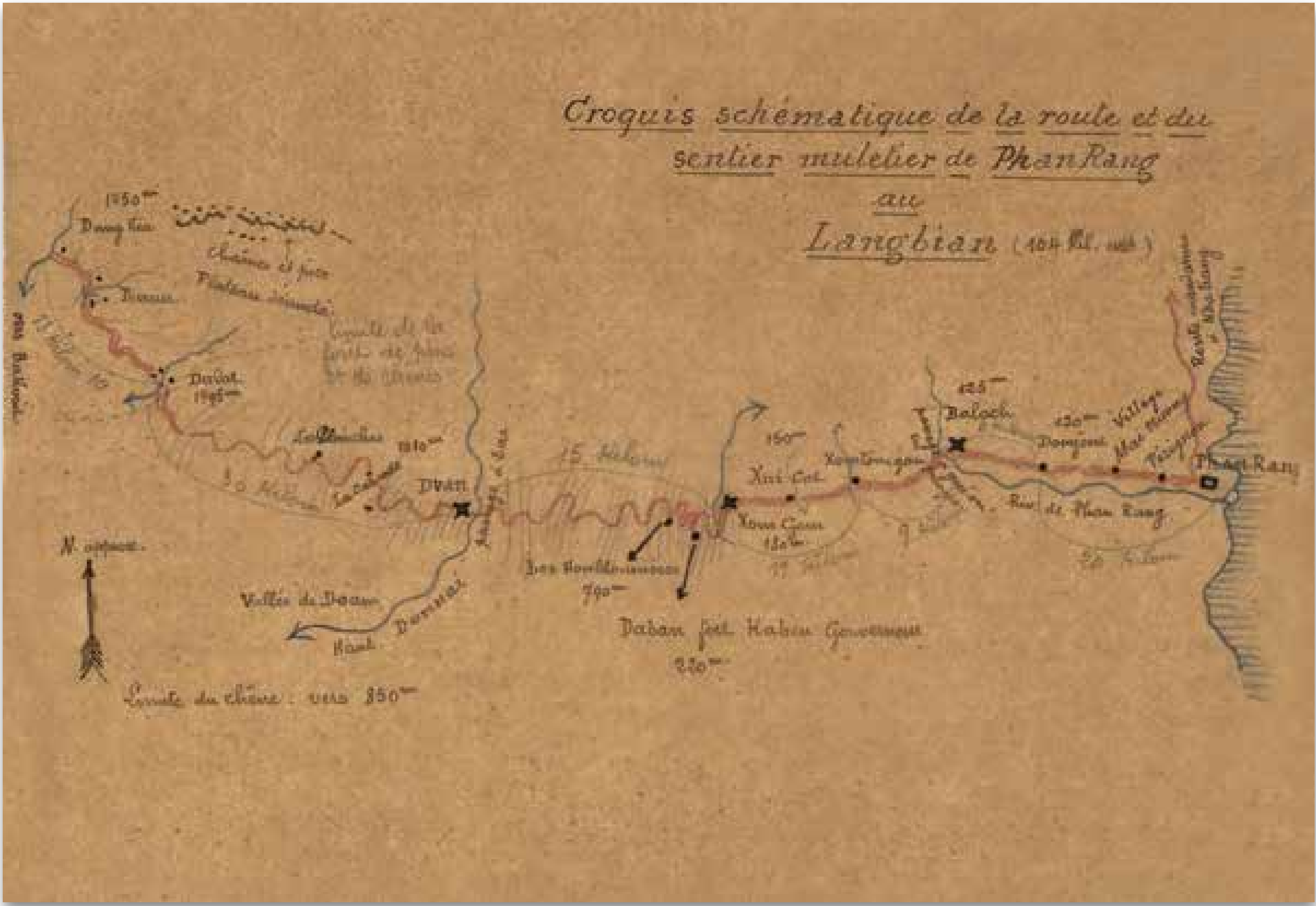
*Between 1898 and 1900, the Phan Rang – Đà Lạt road was usable and paved over 48 km until Xóm Gòn and then continued over 45 km by mule trail. But such an enterprise had been implemented at forced pace and at a high human cost, a figure that Hồ Chí Minh used as an example to illustrate in 1925 the terrible colonial abuses committed throughout Indochina in his work *Le Procès de la colonisation française*.*

At the same time, the Thouard mission in 1898 studied the feasibility of a railway that would link Nha Trang to Đăng Kia. To Yersin's discontent, the project was abandoned for technical reasons and for its costs, in favour of the Tháp Chàm – Đà Lạt – Đăng Kia line. Work began in 1903 but was interrupted because of budget overruns and lack of workers, who were scared off by life-threatening health conditions.

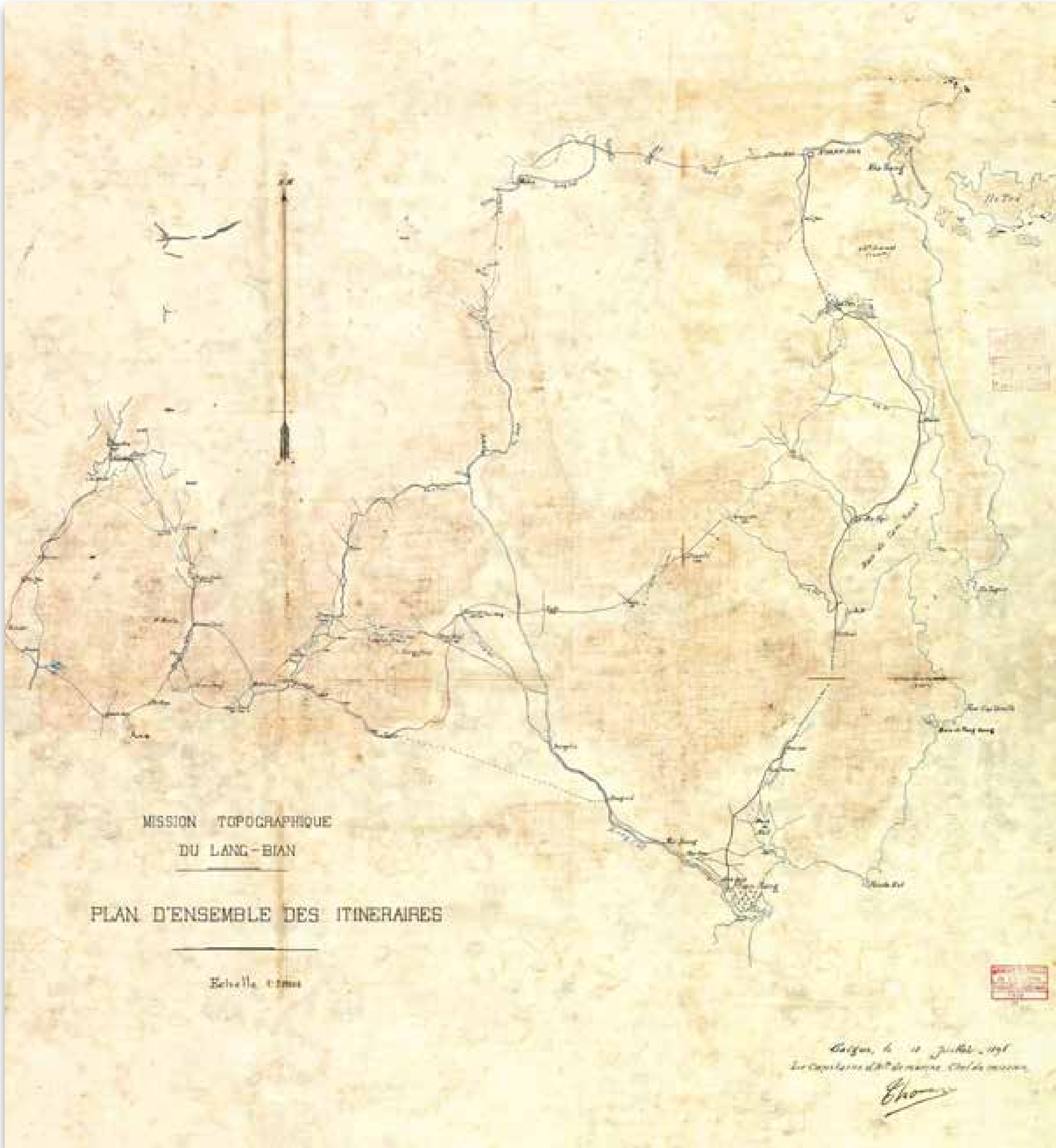
LES PREMIERS TRAVAUX D'AMÉNAGEMENT DES VOIES D'ACCÈS À ĐÀ LẠT

Những công trình quy hoạch đầu tiên các tuyến đường đến Đà Lạt

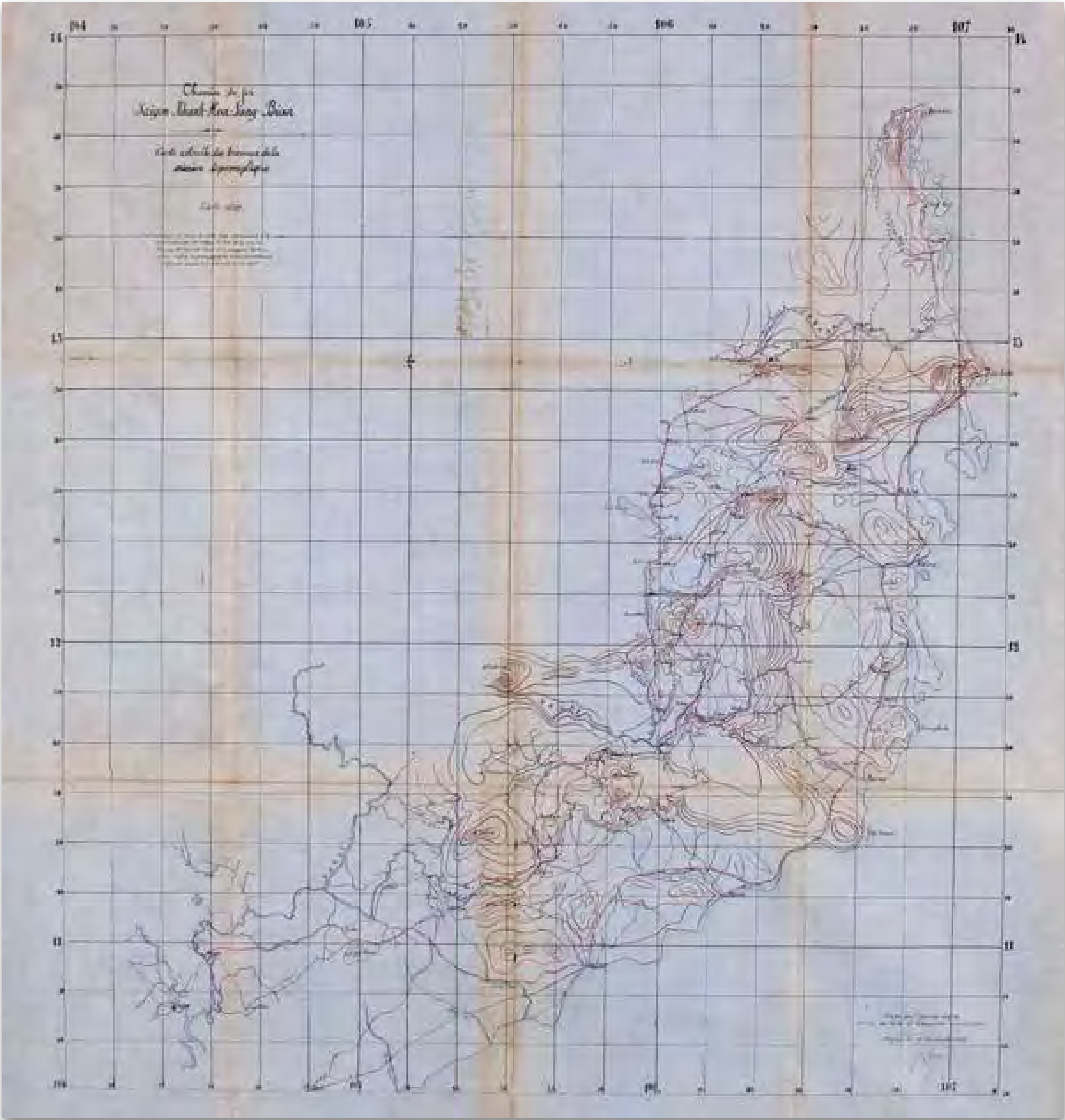
The first development work for access routes to Đà Lạt



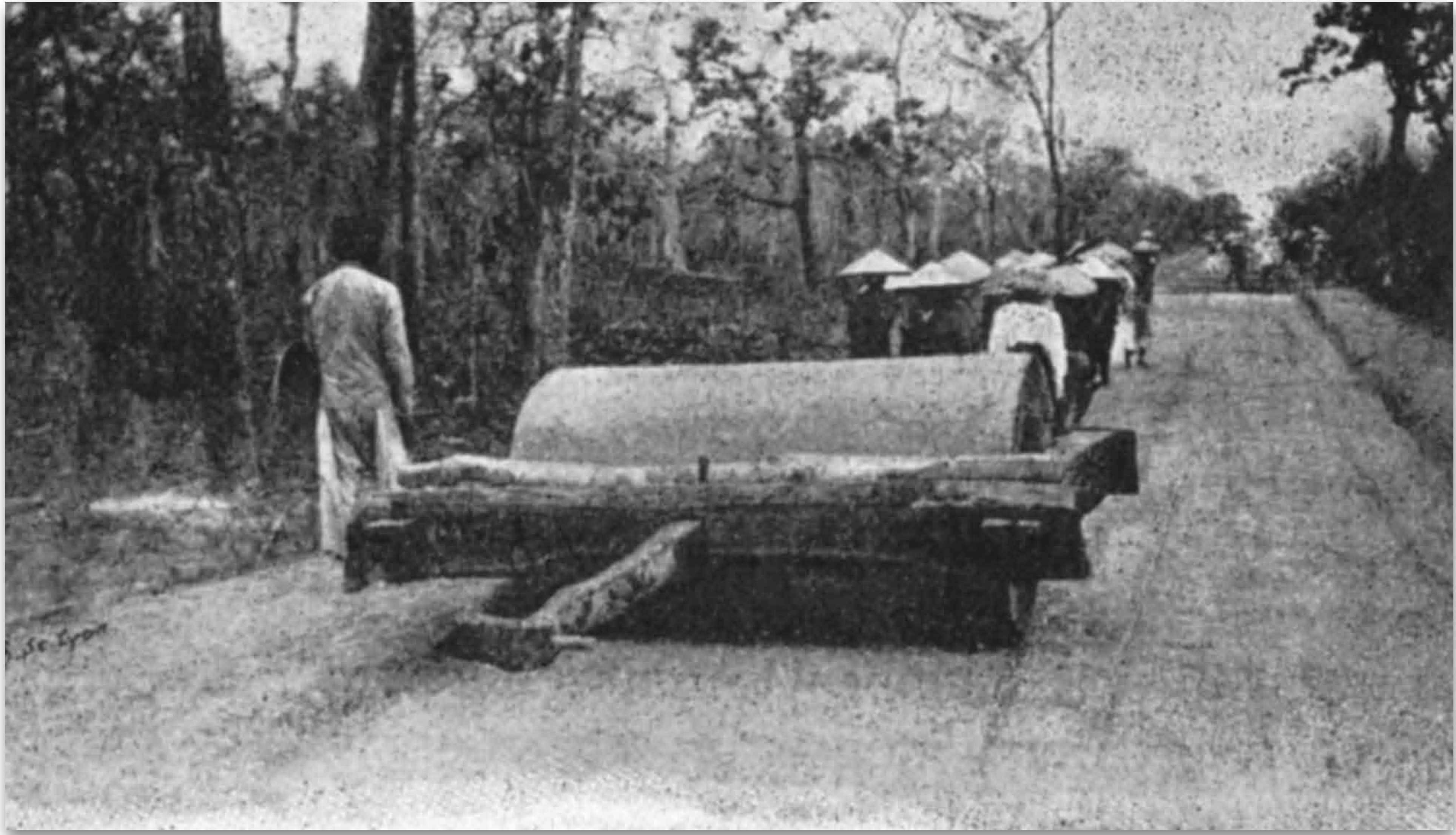
Croquis schématique de la route et du sentier muletier de Phan Rang au Lang Bian, 1900 – Guillaume Capus, directeur de l'Agriculture et du Commerce de l'Indochine [ANOM GGI 5963]
Ký họa đường lớn và đường nhỏ hẹp từ Phan Rang đi Lang Bian, 1900 (Guillaume Capus)
Diagram sketch of the road and mule path from Phan Rang to Lang Bian, 1900 (Guillaume Capus)



Plan d'assemblage des itinéraires de la mission du capitaine Thouard [ANOM GGI 5969]
Sơ đồ tập hợp những lộ trình thám hiểm của đại úy Thouard
Assembly plan of the itineraries for the mission of Captain Thouard



Chemin de fer Saigon – Khánh Hòa – Lang Bian – 1899 [C4ANV]
Đường sắt Saigon – Khánh Hòa – Lang Bian, 1899 [TTLTQG4]
Saigon – Khánh Hòa – Lang Bian railway -1899



« Samgon, sur la route du Lang Bian en 1899 ». Un groupe de Vietnamiens procède à des travaux de nivellement. [Etienne Tardif, *La Mission du Lang Bian*, p.102]
“Samgon, trên đường ở Lang Bian năm 1899”. Một nhóm người Kinh đang san dầm đường
“Samgon, on the route to Lang Bian in 1899”. A group of Vietnamese workers carrying out levelling work

LA « DÉCOUVERTE » ET LES PEUPLES AUTOCHTONES

Tous les récits retraçant l’histoire de la ville de Đà Lạt ont le même point de départ : la découverte par Yersin du plateau du Lang Bian le 21 juin 1893. Cette notion de « découverte » constitue un monument d’eurocentrisme, c’est-à-dire d’universalisation de la représentation occidentale de l’histoire. Une présence humaine était en effet attestée bien avant cette date, qu’il s’agisse de Lạt, Sre et M’nông Chil appartenant au groupe ethnique Cơ Ho, ou des Bih (Pihs). Le nom Đà Lạt peut d’ailleurs est traduit par « rivière des Lạt ».

SỰ «PHÁT HIỆN» VÀ DÂN BẢN XỨ

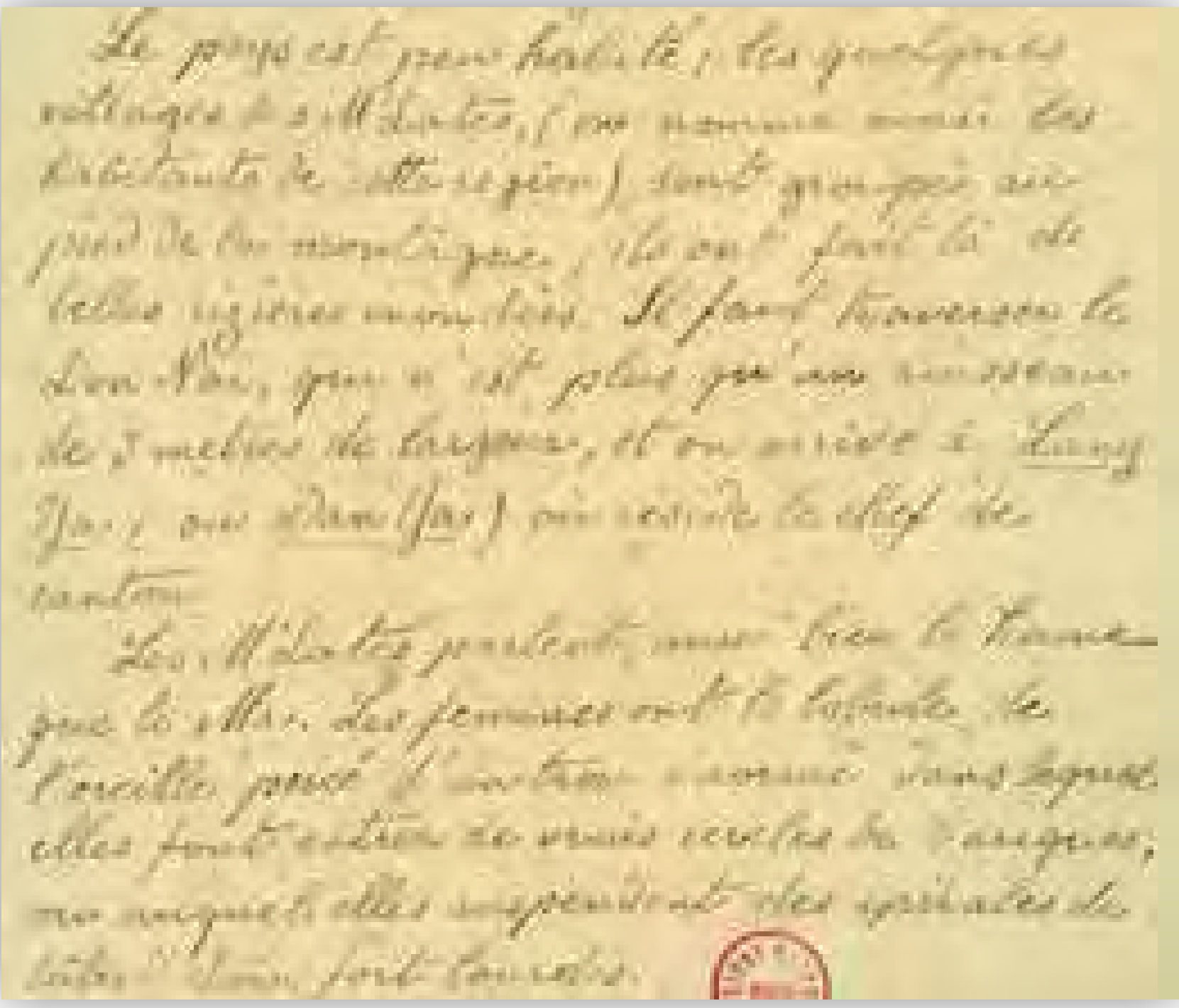
Tất cả những câu chuyện tái hiện lịch sử thành phố Đà Lạt có điểm khởi đầu giống nhau: cao nguyên Lang Bian được Yersin phát hiện ngày 21 tháng 6 năm 1893. Khái niệm «phát hiện» này là một kiệt tác theo trường phái Âu hóa trung lập, tức là phổ biến tính đặc trưng phương Tây về lịch sử. Tuy nhiên, sự xuất hiện của con người cũng đã được chứng thực trước ngày này, đó chính là người Lạt, Srê và M’nông Chil thuộc nhóm tộc người Cơ Ho, và người Bih (Pihs). Vả chăng, tên Đà Lạt có thể được dịch là «sông của người Lạt».

“DISCOVERY” AND THE INDIGENOUS PEOPLES

All the narratives recounting the history of the city of Đà Lạt begin at the same point: the discovery by Yersin of the Lang Bian plateau on 21st June 1893. This notion of “discovery” constitutes the epitome of Eurocentrism, that is to say the universalization of the Western representation of history. However, human presence had been documented there well before that date, whether we are talking about the Lat, Sre, and M’nông Chil belonging to the Cơ Ho ethnic group, or the Bih (Pihs). In the local idiom, Đà Lạt signifies “river of the Lats.”

LA « DÉCOUVERTE » ET LES PEUPLES AUTOCHTONES

Sự « phát hiện » và dân bản xứ
“Discovery” and the indigenous peoples



« Sept mois chez les Moïs de l'Indochine » Alexandre Yesrin rapport de la 2^e expédition février - octobre 1893, p. 34 [AIP 38343]
“Bảy tháng trên đất của người Thượng ở Đồng Dương”, báo cáo lần thứ 2 tháng 2 - tháng 10/1893, tr. 34.
« Seven months among the Moïs of Indochina », report of the 2nd expedition february - october 1893, p.34

“Đất ít người ở ; một vài làng người Lát (người ta gọi tên như vậy những người dân sống ở vùng này) tập trung dưới chân núi ; Họ làm ruộng nước. Phải đi qua sông Đồng Nai, con sông không chỉ còn là con suối rộng 3 mét nữa và ta tới được Lang Ya (hay Dan Ya) là nơi sống của Trưởng tổng. Người Lát nói tiếng Siame tốt như tiếng Ma. Những người phụ nữ có dải đai được bằm một lỗ lớn và xuyên qua đó là những chiếc vòng phía dưới treo những chiếc vòng xoắn bằng thiếc rất nặng”

“This region is scarcely inhabited; the few Lat villages (as the inhabitants of this region are called) are grouped at the foot of the mountain. They have cultivated beautiful flooded paddy fields. We have to cross the Dong Nai, which is scarcely a three - metre wide stream, and we arrive at Lang Ya (or Dan Ya) where the canton chief resides. The Lat speak both Cham and Ma. The women have enormous holes pierced in their earlobes through which they thread veritable barrel hoops or suspend extremely heavy pewter tubes.”

ETHNIE LÁT
Dân tộc Lát
Lát tribe



Chef du village de Đăng Kia et l'une de ses femmes, Jacquet 1898 [ANOM GGI 5956_17]
Trưởng bản ở Đăng Kia cùng với một trong các bà vợ Đăng Kia village chief and one of his wives



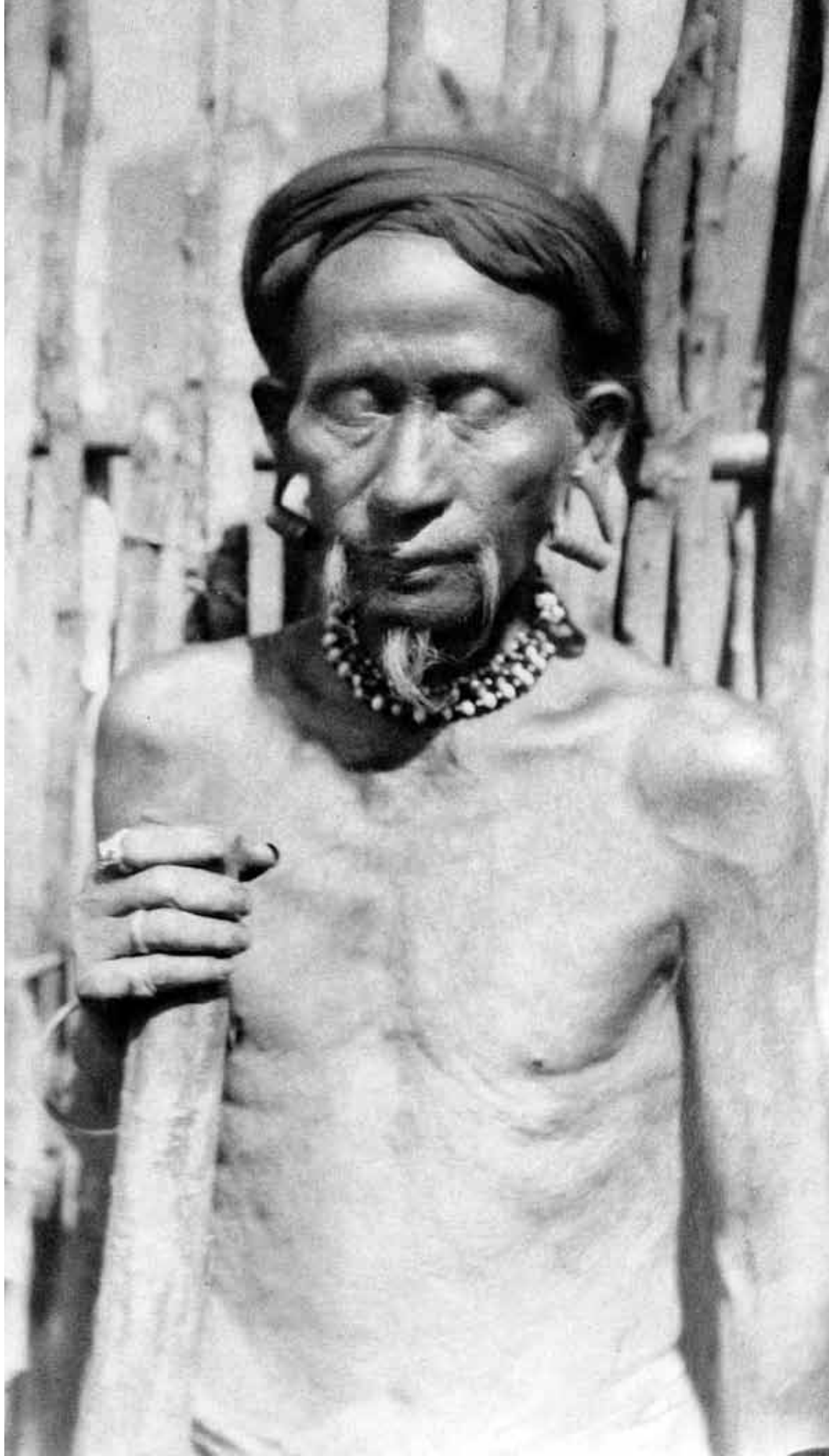
Petite case appartenant au chef du village de Đăng Kia, Jacquet 1898 [ANOM GGI 5956_17]
Ngôi nhà nhỏ của Trưởng bản Đăng Kia
Small hut belonging to the Đăng Kia village chief



1^{re} maison en torchis construite par les moines de la mission de Đăng Kia, Jacquet 1898 [ANOM GGI 5956_17]
Ngôi nhà vách đất đầu tiên được các thầy tu của Hội truyền giáo Đăng Kia xây cất
1st mud brick house built by the monks of the Đăng Kia mission



Chef du village de Kroët, Jacquet 1898 [ANOM GGI 5956_17]
Trưởng bản ở Kroët
Kroët village chief



Vieillard « Moï » de Đăng Kia, Jacquet 1898 [ANOM GGI 5956_17]
Cụ già người « Moï » ở Đăng Kia
An old “Moï” tribesman from Đăng Kia



[PEFEO - VIE04779]



[PEFEO - VIE04768]



[FINAAVH]



[PEFEO - VIE04769]



[PEFEO - VIE04790]

ETHNIEM'NÔNG CHIL
Dân tộc M'ông Chil
M'ông Chil tribe



Sacrifice du plomb [PEFEO - 04590_1] [PEFEO - 04593]
Tế chì
Lead sacrifice



ETHNIEM'NÔNG CHIL
Dân tộc Bih (Pihs)
Bih (Pihs) tribe

[PEFEO - 04792_2] [PEFEO - 04792_1]



ETHNIE SRE
Dân tộc Sre
Sre tribe



[PEFEO VIE04776] [PEFEO - VIE04773] [PEFEO - VIE04774] [PEFEO VIE04775]

LA PRÉDOMINANCE DES MILITAIRES

En 1901, Prosper Odend’hal qualifia Đà Lạt de « ville en espérance », cette dernière étant plus une vue de l’esprit qu’une réalité. La ville ne comptait alors qu’une poignée de bâtiments administratifs, quelques baraquements militaires et une bâtisse en bois dénommée « Sala » qui faisait office d’hôtel. Si le champ était donc propice à l’édification d’une véritable cité européenne, tout restait à faire pour désenclaver et équiper cette zone de montagne.

ƯU THẾ CỦA NHÀ BINH

Năm 1901, Prosper Odend’hal đã gọi Đà Lạt là “thành phố triển vọng”, thành phố với quan niệm mang tính tinh thần hơn là thực tế. Thành phố lúc bấy giờ mới chỉ có một nhúm nhà văn phòng công chánh, một vài lán trại dành cho quân lính và một khối nhà lớn bằng gỗ được gọi là « Sala », được sử dụng làm nhiệm sở khách sạn. Nếu như vùng này thuận lợi cho việc xây dựng một thành phố thực thụ mang tính cách châu Âu, vậy thì còn rất nhiều thứ cần phải làm nhằm phá thế cô lập và trang bị cho vùng sơn cước này.

DOMINATION BY MILITARY PERSONNEL

In 1901, Prosper Odend’hal spoke of Đà Lạt as a “city of hope”, which was more wishful thinking than the reality. The city had only a handful of administrative buildings, a few military barracks and a wooden edifice referred to as “Sala” that served as a hotel. Although this virgin site was favourable to the construction of a real European city, everything remained to be done to open up and equip this mountainous zone.

LE PLAN CHAMPOUDRY (1906) : UNE VOCATION BICÉPHALE...

Paul Champoudry, 1er Résident-maire de Đà Lạt à partir de 1900, est l'initiateur du premier plan d'urbanisation conçu pour assumer une double vocation :

- Militaire : Đà Lạt devait accueillir la majorité des effectifs des troupes européennes de Cochinchine, seules quelques unités restant stationnées à Saigon et au Cap St-Jacques.
- Civile et administrative : le Gouverneur Général Beau estima en 1904 que Đà Lạt serait appelée à devenir une vaste station d'altitude pour les civils de toute l'Indochine et la capitale d'été du Gouvernement Général.

SƠ ĐỒ CHAMPOUDRY (1906) : KHUYNH HƯỚNG HAI ĐẦU

Paul Champoudry, Thị trưởng đầu tiên của Đà Lạt từ năm 1900 và là người khởi xướng đồ án đầu tiên về đô thị hóa thể hiện khuynh hướng kép:

- Về mặt quân sự : Đà Lạt có bốn phân phải tiếp nhận phần lớn quân số đội quân người Âu ở Nam Kỳ, chỉ có một vài đơn vị ở lại Sài Gòn và Cap St-Jacques.
- Về mặt dân sự và hành chính : vào năm 1904, Toàn quyền Beau dự kiến rằng Đà Lạt sẽ trở thành địa điểm nghỉ dưỡng trên cao cho những công chức dân sự của toàn Đông Dương và là thủ phủ mùa hè cho Phủ Toàn quyền.

CHAMPOUDRY PLAN (1906) : A DUAL PURPOSE...

Paul Champoudry, the first Résident-maire of Đà Lạt since 1900, was the initiator of the first urban plan conceived on the basis of a dual purpose for the city:

- Military: Đà Lạt had to host most of the troops of Cochinchina and only a few units were to be maintained in Saigon and at Cap St-Jacques.*
- Civil and administrative: Governor General Beau estimated in 1904 that Đà Lạt would be called upon to serve as a vast hill station for Indochinese civilians and as the summer capital for the General Government.*

CROQUIS DE DALAT

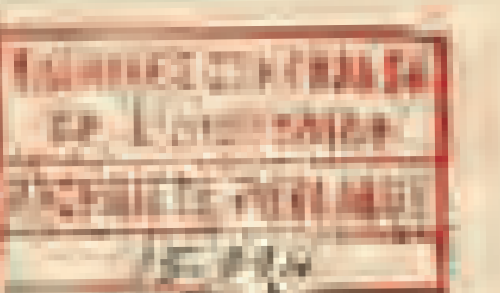
Echelle $\frac{1}{10000}$

(Réduction de la carte du cadastre)

LEGENDE

- A — 12 Régiment d'Infanterie Coloniale
- B — Section Militaire
- C — Section de la Vieillesse
- D — Bureau de la Place
- E — Infanterie de Garde
- F — 11 Régiment d'Infanterie Coloniale
- G — Marine
- H — Bureau de la Direction d'Art
- I — Services Administratifs
- H₀ — Hôpital (emplacement réservé)

N.B. La section militaire 1000 m est dessinée
à un point de la vallée. En réalité la section de
marche M serait 1500



... ET UNE DOUBLE SÉGRÉGATION SPATIALE

Ségrégation entre les pôles militaires et civils, tout d’abord. Aux premiers fut attribué le vaste espace situé sur la rive droite de la rivière Cam Ly qui pouvait recevoir le camp militaire ainsi que de nombreux bâtiments, des champs de tir, etc. La cité administrative et civile, implantée sur la rive gauche de la rivière, fut dessinée selon le second principe de ségrégation coloniale : la séparation stricte des quartiers européens et indigènes qui fut cependant mise à mal au fil du temps par le refus que lui opposa la bourgeoisie vietnamienne.

...VÀ MỘT SỰ TÁCH BIỆT KHÔNG GIAN KÉP

Trước hết, tách biệt giữa cực quân sự và cực dân sự. Không gian rộng rãi bên bờ hữu ngạn sông Cam Ly được cấp cho quân đội và có thể tiếp nhận doanh trại quân đội cũng như nhiều tòa nhà, trường bắn ...v.v. Thành phố dân sự và hành chính, nằm bên bờ tả ngạn con sông này, được vẽ theo nguyên lý thứ hai về sự tách biệt thuộc địa : sự chia rẽ rõ ràng khu người Âu và khu người bản xứ và cùng với thời gian, nó đã gặp phải sự khước từ của tầng lớp tư sản Việt Nam.

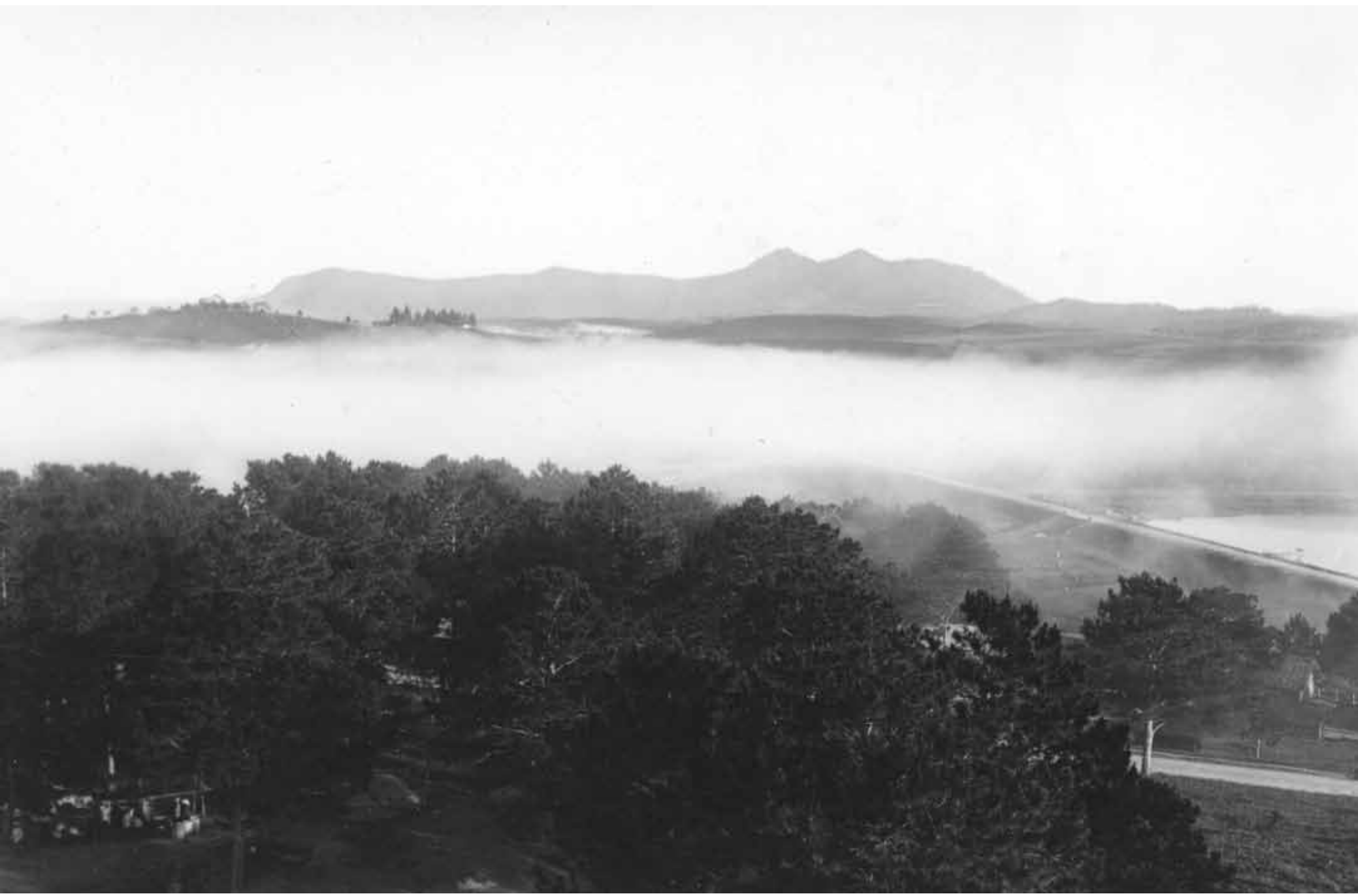
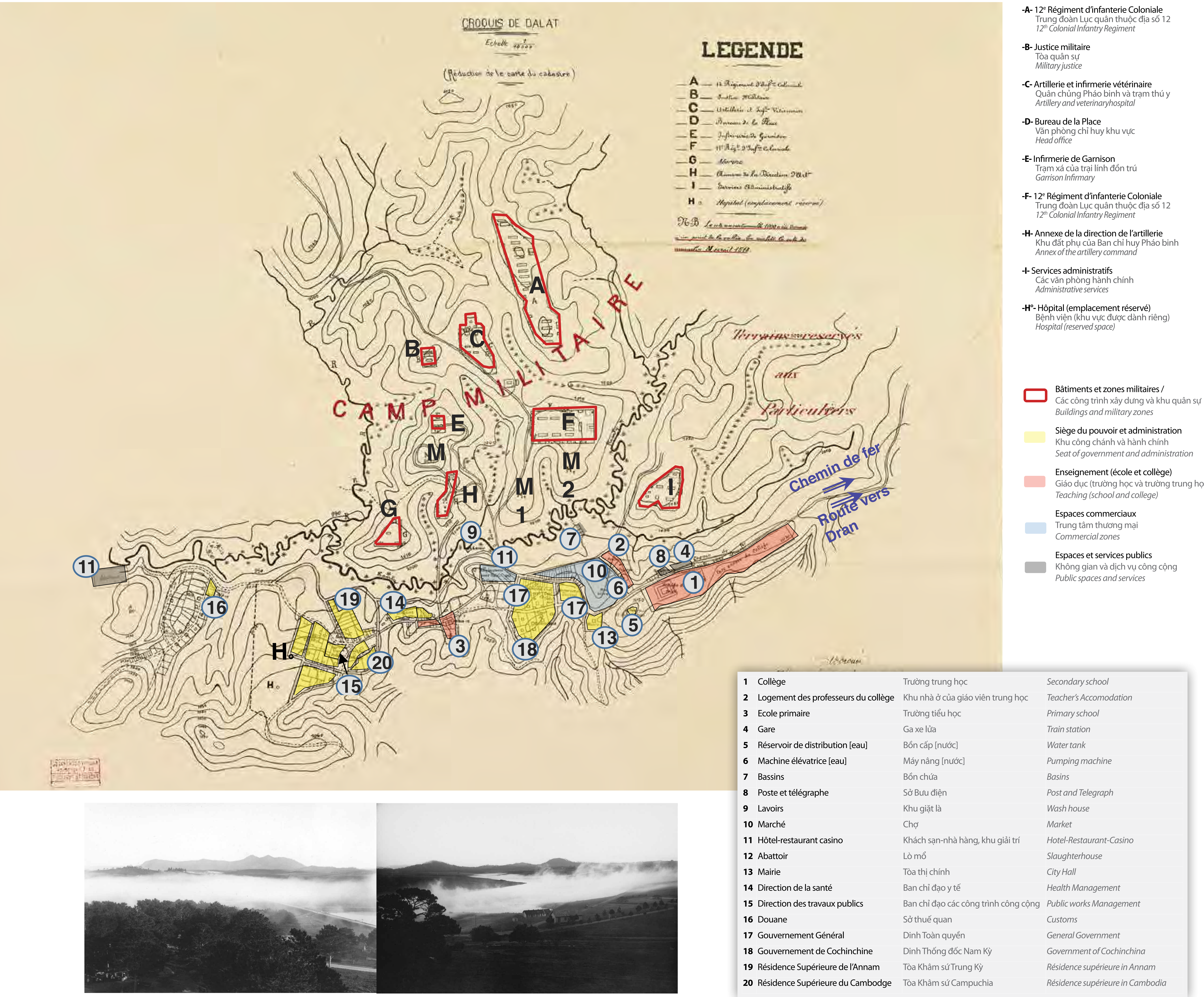
...AND A DUAL SEGREGATION

Segregation between the military and civil areas was a first priority. The military was attributed a vast space situated on the right bank of the Cam Ly River that could accommodate the military camp as well as numerous buildings, firing range etc.

The administrative and civil city was planned on the left bank of the River according to the principle of segregation between the French and the indigenous population. This would prove difficult to implement in the long term because of the opposition of the Vietnamese bourgeoisie.

LES PROJECTIONS DE CHAMPOUDRY : UNE DOUBLE SÉGRÉGATION

Sơ đồ của Champoudry : một sự tách biệt kép
Champoudry’s projections: a dual segregation



Đà Lạt sous la brume, 1923 [FINAAVH]
Đà Lạt trong sương mù, 1923
Đà Lạt in the mist, 1923



LE TOURNANT DE LA « GRANDE GUERRE » (1914-1918)

Au milieu des années 1910, la conjonction de deux facteurs tira Đà Lạt de sa torpeur. Tout d’abord, le début de la 1ère guerre mondiale s’opposa au retour périodique des colons en métropole qui se tournèrent alors vers la station d’altitude. En second lieu, des chantiers d’infrastructures routières furent achevés. Il fallait une journée et demie via Phan Thiết – Djiring pour relier Saigon à Đà Lạt, en train puis par la route. Le trajet via Phan Rang restait plus long, 2 jours. Quant à la ligne ferroviaire Tháp Chàm – Xóm Gòn (38 km), elle fut terminée en 1915, construction qui coûta la vie à des dizaines d’ouvriers.

BƯỚC NGOẶT CỦA CUỘC ĐẠI CHIẾN THẾ GIỚI LẦN THỨ NHẤT (1914-1918)

Vào giữa những năm 1910, việc kết hợp hai nhân tố đã kéo Đà Lạt ra khỏi sự đờ ỉn. Trước hết, chiến tranh thế giới lần thứ nhất đã cản trở kiều dân quay trở về chính quốc theo định kỳ và những người này lúc đó quay lại nơi nghỉ mát trên độ cao. Thứ hai, một số công trường hạ tầng cơ sở đường bộ đã kết thúc. Từ Sài Gòn đi Đà Lạt qua Phan Thiết – Djiring, phải mất một ngày rưỡi đi bằng tàu hỏa sau đó bằng đường bộ. Quãng đường qua Phan Rang dài hơn, phải mất hai ngày. Đường sắt Tháp Chàm-Xóm Gòn (dài 38 km) đã hoàn tất vào năm 1915, công trình xây dựng này đã cướp đi sinh mạng của hàng chục công nhân.

THE TURNING POINT OF THE GREAT WAR (1914-1918)

The conjunction of two factors brought Đà Lạt back to life. Firstly, the outbreak of World War I hampered the periodic return of settlers to metropolitan France, thus forcing them to remain in Indochina. Secondly, certain infrastructure projects were completed. It now took a day and half to travel between Saigon and Đà Lạt by train then by road. The more difficult journey via Phan Rang took two days. As for the Tháp Chàm- Xóm Gòn railway line (38 km) whose construction cost the lives of dozens of workers, it was finally completed in 1915.

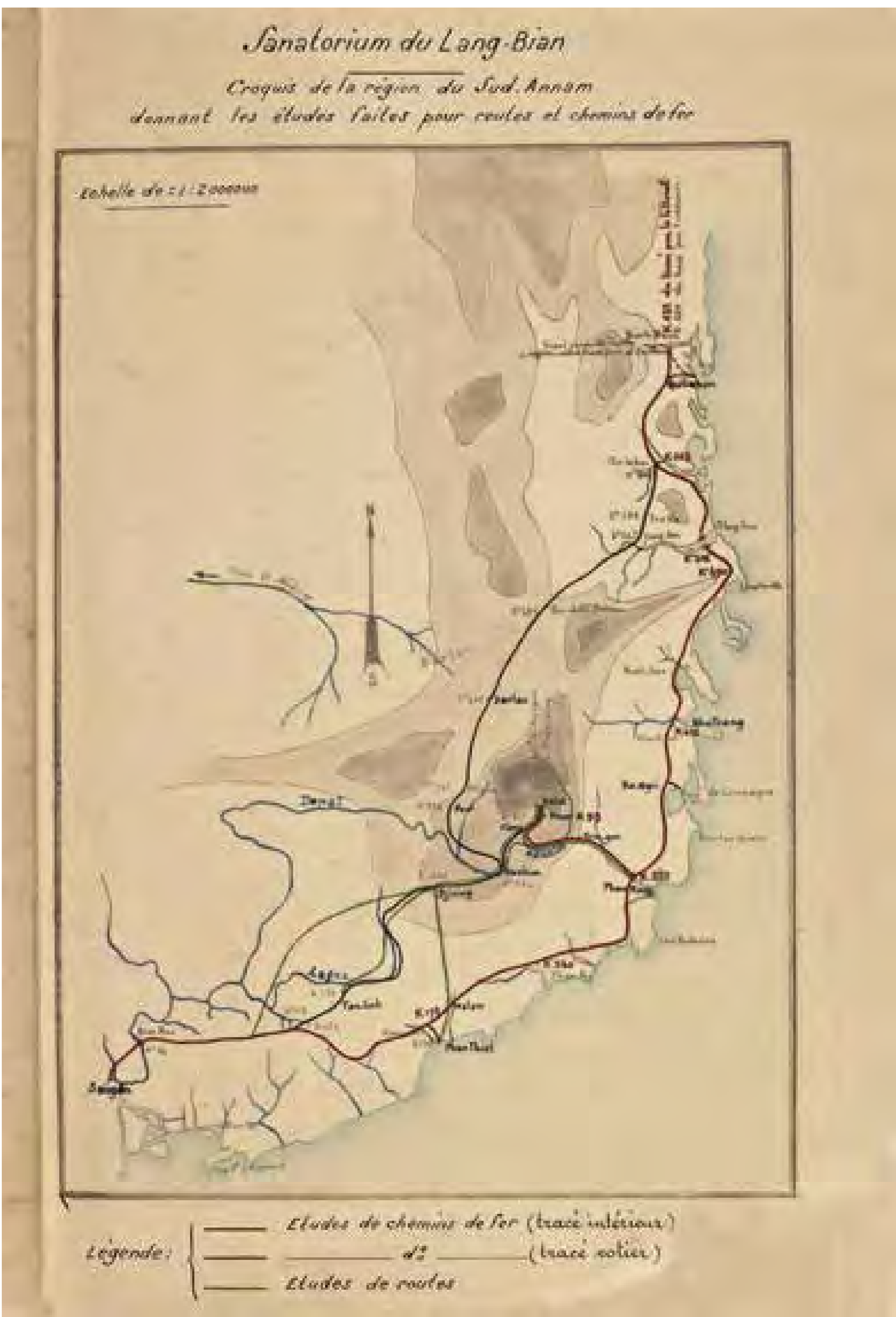
LE TOURNANT DE LA « GRANDE GUERRE » (1914 - 1918)

Bước ngoặt của Đại chiến thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918)

The turning point of first Word War (1914 - 1918)



Route Phan Thiết - Đà Lạt, 1915 [ANOM GGI 5971]
Tuyến đường Phan Thiết - Đà Lạt, 1915
Phan Thiết - Đà Lạt road, 1915

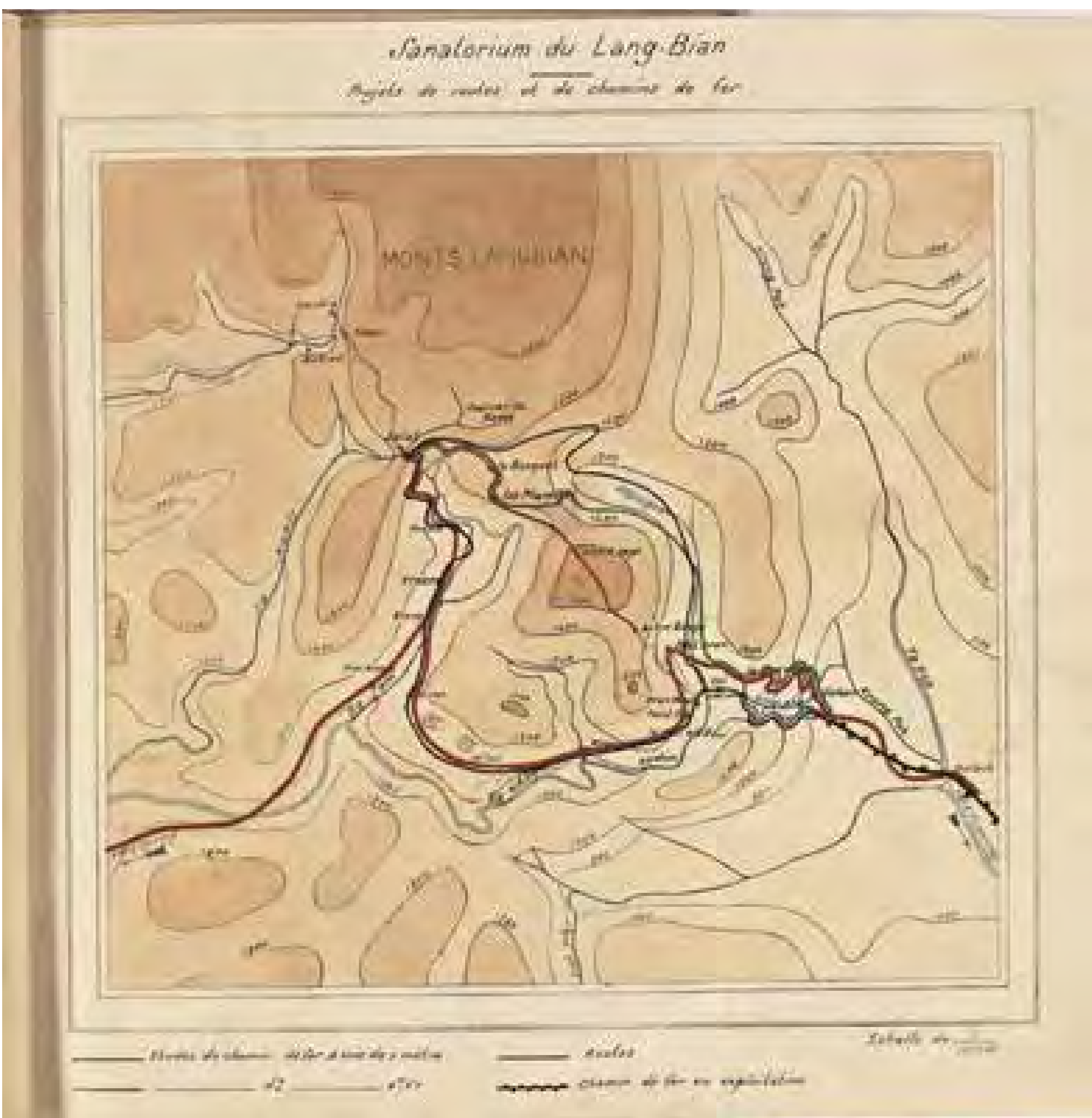


Rapport de l'inspecteur des travaux publics, sanatorium du Langbian, 1915 : projets de routes et de chemin de fer [ANOM GGI 5970]
Báo cáo của thanh tra sở Công chính, trạm điều dưỡng Lang Bian, 1915 : các dự án làm đường bộ và đường sắt
Report by the public works inspector, Lang Bian sanatorium, 1915: road and railway projects

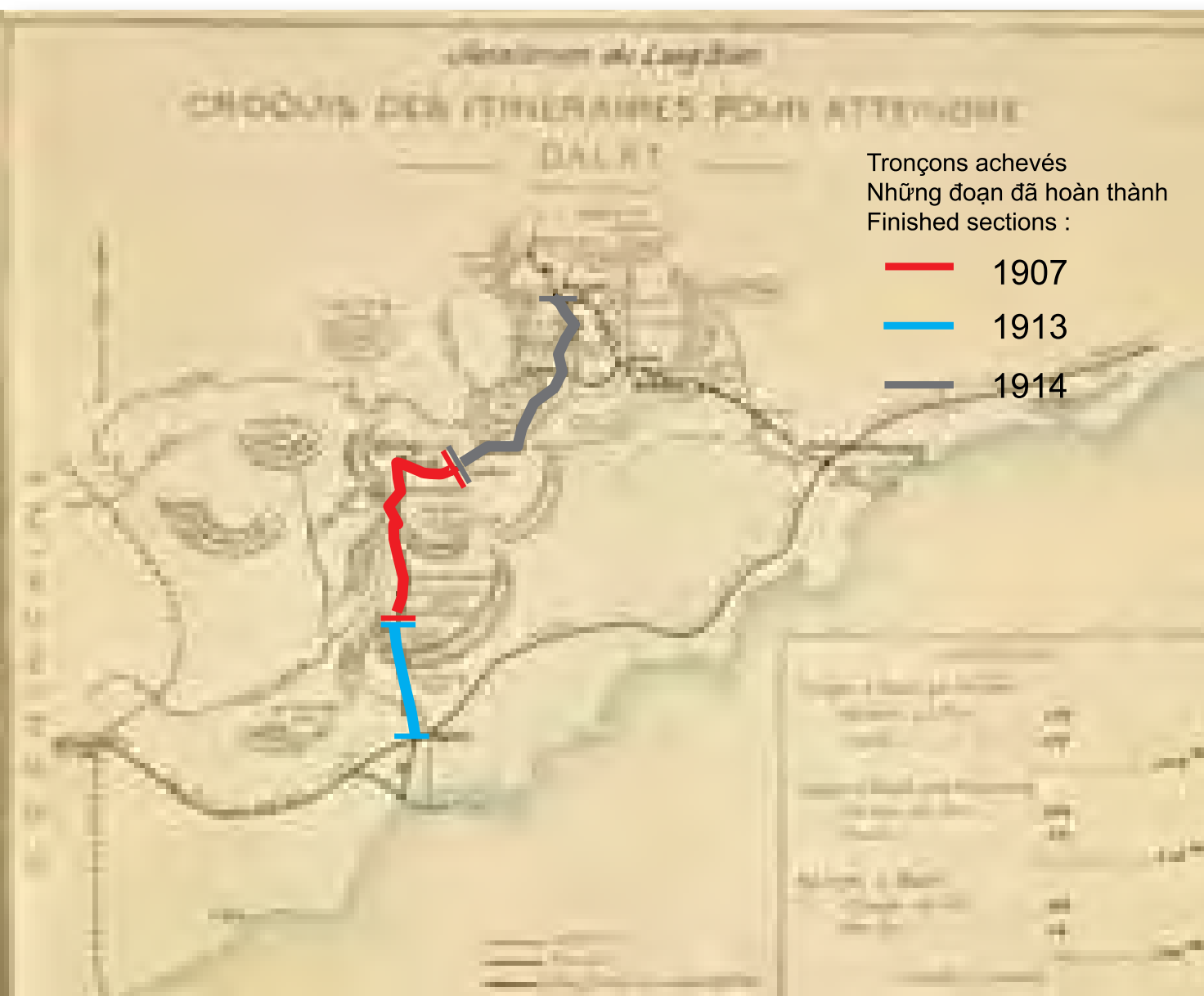
«Route Dăng Kia –Đà Lạt». Rencontre insolite entre une voiture européenne conduite par un Vietnamien et une chaise portée par des montagnards, sans date, [CP Jennings]

“Tuyến đường Dăng Kia – Đà Lạt”. Cuộc gặp gỡ lạ lùng giữa xe ô - tô do người Việt lái và cái ghế được 2 người Thượng khiêng (không ghi thời gian)

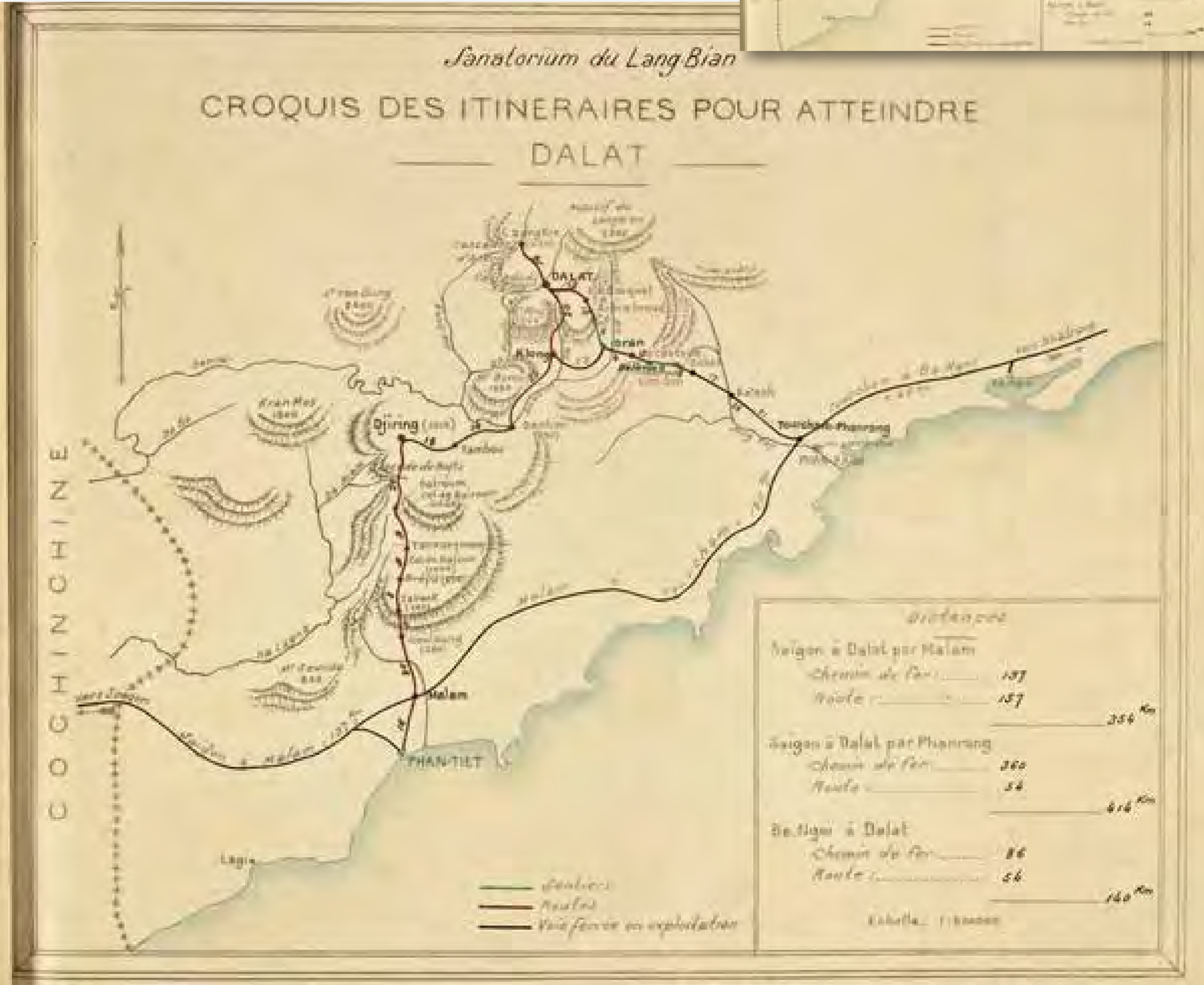
“Dăng Kia – Đà Lạt road”. Curious meeting of a European car with Vietnamese chauffeur and a chair carried by hill tribesmen (undated)



Rapport de l'inspecteur des travaux publics, sanatorium du Langbian, 1915 : croquis du Sud Annam donnant les études faites pour les routes et le chemin de fer [ANOM GGI 5970]
Báo cáo của thanh tra sở Công chính, trạm điều dưỡng Lang Bian, 1915 : họa đồ phần Nam Trung Kỳ về những nghiên cứu để xây dựng các tuyến đường bộ và đường sắt
Report by the public works inspector, Lang Bian sanatorium, 1915 : sketch of South Annam showing studies carried out for roads and railway



Rapport de l'inspecteur des travaux publics, sanatorium du Langbian, 1915 : croquis des itinéraires pour atteindre Đà Lạt [ANOM GGI 5970]
Báo cáo của thanh tra sở Công chính, trạm điều dưỡng Lang Bian, 1915 : họa đồ các lộ trình để đến Đà Lạt
Report by the public works inspector, Lang Bian sanatorium, 1915 : sketch of itineraries to reach Đà Lạt



Les premiers jalons de Đà Lạt (1900-1915) [InSc-SIUP]
Những mốc đầu tiên của Đà Lạt (1900-1915)
Đà Lạt's first milestones (1900-1915)

VUES DE ĐÀ LẠT ENTRE 1919 ET 1923

Pour contenir l'accroissement du nombre de touristes européens, la ville se dota d'un réseau de voies, d'une usine électrique et de divers bâtiments administratifs. À la fin des années 1910, Đà Lạt comptait 350 résidents vietnamiens et 26 résidents européens ; elle gardait un aspect résolument rural. En 1919, fut créé le lac artificiel situé au cœur de la ville par la construction d'un premier barrage sur la rivière Cam Ly. Le barrage (đập Cầu Ông Đạo) tel qu'il apparaît aujourd'hui fut construit en 1935.

QUANG CẢNH ĐÀ LẠT GIỮA NĂM 1919 VÀ 1923

Để giữ lại sự tăng mạnh số lượng khách du lịch châu Âu, thành phố được trang bị một hệ thống đường xá, một nhà máy điện và nhiều tòa nhà hành chính khác nhau. Vào cuối những năm 1910, Đà Lạt có 350 người Việt cư trú và 26 cư dân người Âu ; thành phố vẫn giữ dáng vẻ nông thôn. Năm 1919, hồ nhân tạo nằm giữa trung tâm thành phố được tạo ra bằng việc xây con đập đầu tiên trên sông Cam Ly. Con đập (Cầu Ông Đạo) như nó xuất hiện ngày nay, được xây năm 1935.

VIEWS OF ĐÀ LẠT BETWEEN 1919 AND 1923

In response to the increase in the number of European tourists, a road network was built as well as an electrical power plant and diverse administrative buildings. At the end of the first decade of the 20th century, Đà Lạt had 350 Vietnamese residents and only 26 French civilians; the city retained its rural aspect. In 1919, the artificial lake, which is situated in the heart of the city, was created thanks to the first dam built on the river Cam Ly. The current dam (đập Cầu Ông Đạo) was built in 1935.

VUES DE ĐÀ LẠT ENTRE 1919 ET 1923
Quang cảnh Đà Lạt giữa những năm 1919 và 1923
Views of Đà Lạt between 1919 and 1923



1919 [FINAAVH]



1919 [FINAAVH]



1923 [FINAAVH]



1923 [FINAAVH]